

PHẬT-GIÁO HỘI  
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1<sup>er</sup> VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N. 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc  
Chủnh hội trưởng hội Phật-giáo  
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chủnh chủ-bút : Phan-chung-Thủ  
Sư cụ chùa Bằng-Sở  
Phó chủ-bút : Dương-văn-Hiền  
Sư cụ chùa Tế-Cái

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

QUI TÍNH PHƯƠNG DANH CÁC VỊ  
CỘNG ĐỨC ĐÃ CÙNG VÀO VIỆC LÀM CHÙA  
TRUNG ƯƠNG

---

Mme Phạm thị Cơ Hưng yên	2\$00
M. Trần đức Thuận Bắc giang	1.00
Mme Hoàng thị Tư Hanoi	1.00
M. Nguyễn hoài Hối Bắc ninh	3.00
M. Ngô quang Vọng Hà nam	0.50
Mme Nguyễn thị Hảo Hà đông	1.00
Mme Đặng thị Cư	5.00
M. Phạm bích Tuế Rue Teinturiers Hanoi	3 00
Mme Lã thị Thoại Huế	2.90
Mme Trần thị Nhân Phố hàng Trống Hanoi	20 00
Mme Lã thị Đạm Hanoi	5.00
Mme Trần thị Thanh Hanoi	2.00
M. Đinh khắc Nhượng Ninh hình	2 00
Mme Lê thị Xương Thanh hóa	1.00
M. Nguyễn văn Thục hàng Giấy Hanoi	5.00
Cụ Đàm Trì Trực ninh Nam định	15.00

(còn nữa)

Quý tính phương danh các vị Việt kiều ở  
Xiêm la Ai-lao cùng tiến làm chùa Quán-xứ

---

Bà sếp Ban buôn bán	Vientiane	2\$00
Ông Lã đình Nhạc, phụ Thủ từ	—	1.00
Ông Lã huy Tiến	—	1.00
Nguyễn hữu Tề	—	1.00
Bà hai Thuế buôn bán	—	1.00
Bà Đặng thị Tý	—	1.00
Vũ văn Kế	—	0.50
Phạm văn An P. T. T.	—	1.00
Cụ Đình văn Công thông phán hồi hưu	—	3.00
Cụ Phạm Lệ thông phán hồi hưu	—	2.00
Ngọc Hương buôn bán Nong khai Siam	—	5.00

(còn nữa)

*Nhà Phật-học nước Mỹ nói  
về đạo Phật Trung-quốc*  
(tiếp theo)



IX. — LÀM SÁNG TỎ GIÁO LÝ

Cuối thế kỷ thứ 3 (đầu đời Tấn), đạo Phật ở đất Lạc dương ngày càng hưng thịnh, không những dân chúng tin theo mà đến cả sĩ phu cũng hướng mộ nhiều. Đời Tấn người ta thích cái thói hay bàn những nghĩa sự cao huyền, lại có cơ dễ theo về Phật giáo. Hết khi rợ Ngũ hổ vào quấy rối Thiên-quốc, nhà Tấn phải thiên đô sang miền đông mà cái trung tâm diêm của Phật giáo cũng chuyển sang đất Tràng an

Tràng an ở về khu vực sông Hoàng hà, sông Vị thủy vòng ôm phía bắc, núi Hoa sơn đứng chắn phía đông. Là một nơi đở hội về chính trị, kinh tế, văn hóa và nghệ thuật từ xưa. Hóa vật trong thiên hạ đều tụ họp ở cả đó. Đường giao thông có sáu ngã, các giống người nước khác hoặc vượt qua núi Côn lôn, hoặc vượt qua đại hải kéo đến lữ lượt. Cho nên giáo đồ đạo Phật ở tây phương cũng đi theo bọn lái buôn mà tìm đến. Bấy giờ có ông Cưu ma la thập (Kumarajiva) là người xứ Tây vực, trước theo phái Tiểu thừa sau cải theo về phái Đại thừa. Ông là người tài trí minh mẫn, thông hiểu cả các kinh sách, tính ông khoáng đạt, không hay câu nệ những điều vụn vặt. Đạo pháp ông đã lưu truyền ở vùng Tây vực và tiếng tăm lừng lẫy ra nước ngoài. Bấy giờ nhân lúc vua Phù kiến lập quốc ở Tràng an, nghe tiếng ông Cưu ma la thập, họ Phù kiến liền sai tướng sang đánh xứ Tây vực bắt lấy ông Cưu ma la thập đưa về.

Khi ông Cưu ma la thập vào đến đất Tần thì họ Phù kiến đã chết rồi, ông bèn lưu lại ở Lạc châu. Khi ấy vua nhà Hậu Tần là Diêu hưng đang mở mang Phật

pháp bên cho đến mời thầy Cưu ma la thập mấy lần, vì thế, năm tây lịch 401, Thầy sang đất Tràng an (Tức là năm Hoàng thủy thứ 3 đời Diêu Tần và năm Long an thứ 5 đời Tấn). Đến Tràng an, Thầy Cưu ma la thập trụ trì ở Tiêu dao viên, dịch nhiều kinh sách.

Ở đất Tràng an bấy giờ lại có một sự mà ta nên ghi chép là, kể chợ Tràng an đã là nơi danh tiếng của đạo Phật, đến thế kỷ thứ 7, môn đồ đạo Yêu giáo 妖教 (Zoroastrians) nước Ba tư và môn đồ đạo Ma ni giáo (Manichees) cùng tìm vào, lại có môn đồ đạo Cảnh giáo (Nestariaus) cũng đến truyền đạo ở đấy. (Yêu giáo, Cảnh giáo truyền vào Trung quốc đều về đời vua Thái tông nhà Đường. Ma ni giáo thì về đời Bà Vũ hậu, đời gọi là « Ba đạo ngoại di », ở đấy lại là nơi đạo tràng của Thiên đạo Đại sư phái Tịnh độ hoàng pháp (Thiên đạo Đại sư Tràng an vào quãng năm Trinh quán nhà Đường). Vì thế thành ra một cuộc giáo đồ ba phương Đông Tây và Ấn độ cùng đem giáo nghĩa của đạo mình tuyên dương ra ở đất Tràng an ấy mà cùng kết làm cái thẳng duyên quốc tế với nhau.

Lại đến thế kỷ thứ 4 tây lịch (Thời vua Huệ đế đến vua An đế nhà Tấn), cái phong tây du của các nhà sư bên Tàu sang thăm Ấn độ lại càng thịnh. Đường khi thầy Cưu ma la thập ở đất Tràng an; có ông Pháp hiên qua tây cầu pháp (ông Pháp hiên đi từ năm Long hưng thứ 3 đời vua An đế nhà Đông Tấn đến năm Nghĩa hy thứ 13 mới về, cộng là đi mất 15 năm). Ông đi đường bộ qua nước Đôn hoàng, nước Vu diên, trèo núi Thông liãh mà tới Thiên chúc. Rồi ông sang nước Sư-lư (Nay là nước Tích lan (Ceylon) đáp thuyền buôn mà về nước; ông có viết ra sách « Phật quốc ký » thuật những hành trình và và tình hình đạo Phật ở các xứ bên ấy. Đến nay học giả thế giới người ta lấy quyển sách ấy làm quý lắm, đã có dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Đức cả rồi. Bấy giờ là thời các vua ở thành Quán sĩ

thần đình nước La mã cũng đang mở rộng đạo Gia tô, hai cõi Đông Tây cùng sáng tỏ, thực là một thời đại cùng phát-dương tông-giáo.

Phật-giáo Trung quốc, từ ông Đạo an truyền bá ra ở miền nam (Môn hạ ông Đạo an là ông Tuệ viễn lập ra hội niệm Phật ở núi Lư sơn đối với đạo Phật ở vườn Tiểu dao Tràng an cùng thịnh vượng ngang nhau), ông Cưu ma la thập thì hoằng pháp ở miền bắc, cùng nhau tuyên dương đạo cả như mặt trời lúc đang trưa, phát sinh ra một cái ảnh hưởng rất sâu xa cho cõi tư tưởng của Trung quốc.

Ông Cưu ma la thập rất thạo tiếng Phạm (Sanskrit), lại giỏi tiếng Hán. Những kinh sách ông dịch ra rất đúng và tinh, cốt giữ không sai ý nghĩa của Phật. Lời văn vẫn rất mà ý nghĩa rõ ràng, có một cái ảnh hưởng lớn cho văn học Trung quốc. Những kinh ông dịch như kinh **Pháp hoa** (Saddhama Pundarika Sutra), kinh **Duy ma** (Vimala-Kirtinidesa), kinh **Đi đà** (Sukhavati Vyuba Sutra), kinh **Bát nhã** (Prajna Paramita Sutra), đều lưu hành ở đời. Ông rất hâm mộ ông Mã minh (Asvaghosa) ông Loug thụ nên có dịch truyện hai vị ấy. Sách « **Thập trụ Tỳ bà xa luận** 十住毘婆沙論 Nagarjuna's Commentary on the Avatamsaka Sutra » của ông Mã minh giải nghĩa kinh Hoa nghiêm cũng do ông Cưu ma la thập dịch ra. Ông lại còn dịch kinh « **Phạm võng** 梵網 Bramajala Sutra » làm cho đạo Phật có một thể lực rất mạnh, nên người đời gần đây có ông Cách luật đức (De Groot) cho kinh ấy là một bộ thánh điển của Đông phương. Thực là một kinh trọng yếu trong đạo cứu thế của Phật.

### X. — KINH PHẠM-VÕNG

Kinh này chép lúc Đức Thích ca thuyết pháp ở trong Thiên-cung tầng Đệ tứ Thiên thiên Ma è thủ la 摩醯首羅 (Mahisura). Bấy giờ mình Phật phóng ra ánh sáng tuệ-quang chiếu đến cõi **Liên-hoa-tạng** thế-giới Trong đó có hết thảy các vị Bồ-tát đều đến hội họp. Đức

Thích-ca liền giơ tay tiếp cho đại chúng ở thế-giới này sang cõi Liên hoa tạng thế giới được thấy Đức Phật Lư xá na 盧舍那 (Roshana) ngồi ở trên một tòa có trăm vạn ức hoa sen sang láng rực rỡ. Sung quanh tòa ấy có nghìn cánh hoa, mỗi cánh hoa là một cõi thế-giới. Thế là một nghìn cõi thế giới và hóa ra một nghìn Đức Thích ca. Cứ mỗi thế giới lại có hàng trăm ức vị Bồ tát. Thích ca đều thuyết pháp về « Tâm địa pháp môn » mà mọi vị đã hỏi.

Lúc ấy Đức Phật Lư xá na vì đại chúng mà thuyết pháp về nghĩa « Thập phát thú tâm 十發趣心 », đề đều được thâm nhập trong « Thập trụ kiên tín nhẫn 十住堅信忍 ». Rồi Ngài thuyết đến « Thập trưởng dưỡng tâm 十長養心 » đề đều được thâm nhập trong « Thập hành kiên pháp nhẫn 十行堅法忍 ». Rồi Ngài lại thuyết « Thập Kim cương tâm 十金剛心 » đề đều thâm nhập trong « Thập hướng kiên tu nhẫn 十向堅修忍 ». Rồi Ngài lại thuyết « Thập thể tính địa 十體性地 », đề đều thâm nhập trong « Thập địa kiên thánh nhẫn 十地堅聖忍 ». Lần lượt 40 pháp môn như thế đều là những căn nguyên tu trì cho được vào nơi Phật quả. Ngài khuyên cho đại chúng tự tu chứng lấy, Ngài soa đỉnh đầu mọi vị mà thu ký cho. Các vị Bồ tát đều đồng thanh tán thán. Bấy giờ chư Phật trên nghìn cánh hoa sen, nghìn trăm Đức Thích ca đều cáo từ ra về. Đều cử thân lên mà phóng ra ánh sáng bất khả tư nghị, đều hóa ra hoa đê cúng Phật và thu trì lấy những pháp môn mà Phật đã thuyết pháp. Đều cùng lui về cõi thế giới căn bản của mình. Đức Thích ca ở trong nơi tam muội bước ra. Ra rồi Ngài ngồi lên tòa Kim-cương, thuyết về « Thập thế-giới pháp môn hải 十世界法門海 », Đoạn Ngài lại lên các tầng giới.

(còn nữa)

D. N. T.

## *Ai bảo Phật không có ái-dục là lầm*

Bài diễn-văn của Bà ni Diệu-Tĩnh (Nam kỳ)

nhân hành cuộc ra Bắc, đến Hưng-yên, chi hội Phật-giáo  
chùa Quốc-công (Hưng-yên) thỉnh người thuyết pháp  
ngày lễ Trung-nguyên, rằm-tháng bảy ta (1938)

Nam-mô Bồn-sư Thích-ca mâu-ni Phật,

Ngưỡng bạch chư Thiên-đức Tăng-già,

Kính chào liệt vị Quan viên quý chức Thiện-tín.

Hôm nay đến ngày Trung-nguyên. Chi hội Phật-giáo Bắc-kỳ tổ-chức cuộc trai đàn này gọi cầu siêu bạt độ chư vong linh.

Luôn dịp quý hội muốn cho tiện-ny, đem Phật pháp hầu luậ cùng quý ông quý bà, nên cu Tô và các chư-tăng ân cần dạy bảo, chư vị ngoại hộ thỉnh mời, song tiện-ny một mực chối từ.

Có lẽ quý ngài cũng biết cho, đường xa viễn vọng tiện-ny độc lộ cô hành, đến quý địa đây, là vì việc cần yếu khác, chứ không chú ý di diễn giảng. Và lại Phật pháp cao sâu, những bậc trí tuệ có vô ngại biện tài, mới dám xướng tài hoằng pháp, tiện-ny này đã thất học, lại được tin ngay khai giảng gặp một bên, thì đâu có tài nào soạn bài cho kiếp, mà dám vâng lời. Gia dĩ làm một diễn-giã, đứng lên diễn đàn, phải tự biết mình làm người hướng đạo, làm kim chỉ nam cho thỉnh giả; Thế phải lựa chọn từ vấn-đề, cần thận từ lời nói, vấn-đề làm sao cho thích hợp nhân tâm thời đại, lời nói làm sao cho đúng với chân-lý Phật-đà, mới khỏi phí thì giờ châu báu của thỉnh-giã, mà cũng không hoài công của diễn-giã, thật làm diễn-giã rất khó khăn.

Than ôi ! Bề pháp mình mong, non Kinh vôi vọi, bụng mong muối uống sao cho hết, sức kiến họ leo sao cho cùng; Thế mà cái sở tri sở kiến của tiện-ny, như muối mong uống nước biển, chỉ biết trong một bụng lý tý của nó mà thôi, đâu biết được cả muôn sông giòng giải.

Vì chỗ học hiểu hẹp hòi đấy, mà ngôn từ tiện-ny thốt ra vẫn lúng túng, nghĩa lý luận biện còn lơ mờ, lẽ phải thì phân bất tài xin tạ khước.

Mãi đến mấy phen, quý hội dạy bảo, bắt đắc dĩ tiện-ny vưng lời, là vì có ba nguyên nhân :

Một là : Ai đệ tử Phật, cũng phải biết trách-nhiệm mình là phải hoằng pháp lợi sinh, đáp đền ơn Phật. Trong kinh Pháp-hoa, về phẩm Trì thứ 13 Phật bảo bà Kiều-đàm-đi rằng : « Qua đời sau ở trong 6 muôn 8 ngàn ức chư Phật pháp, người làm Đại pháp-sư, người như vậy lần lần tu đạo bồ-tát chứng đặng quả Phật, hiệu là : Nhất-thiết-chúng-sanh-hĩ-kiến-như-lai » (Ương lai chi thể, đương ư lục vạn bách thiên ức chư Phật pháp trung, di Đại-pháp-sư, cập lục thiên học vô học tỷ nhiều ny cụ di pháp-sư, như như thị tiệm tiệm cụ bồ-tát đạo, đương đắc các Phật, hiệu Nhất thiết chúng sanh hĩ kiến như-lai). Đây rõ ràng khi Phật tại thế, phủ chúc chức-trách pháp-sư, chính mình ny-lưu phải đởm đương, không thể chối cãi được.

(Đây là xin nhắc lại quí ngài nghe cho vui, thật ra không phải tiện-ny muốn trưng dẫn đoạn kinh ấy làm triệu chứng để đặt mình lên địa vị Pháp-sư. Thưa không. — Có Pháp-sư chẳng nữa, là chính ở các vị Đại-ny trí tuệ thực đức cao minh, chứ tiện-ny này đã thú thật cùng quí ngài rằng : phận mình trí non óc mỏng, đức bạc tài sơ, chỉ có tài những sáo, đóng trò hài kịch, làm một phim cười cho thính giả đó thôi).

Hai là : Tỉnh Hưng-yên này là y-báo của ni-cô Huệ-Tâm chính là bạn tiện-ny, nghe đầu ngày Huệ-tâm về nhà, muốn đem Phật-pháp nhiều ích nơi bản xứ, mới nhận lời cầu thỉnh, đã định ngày khai diễn. Thế mà vì thời tiết nhưn duyên chưa đến, hay vì lẽ gì các ngài dự biết, làm trở ngại hy vọng kia. Nay tiện-ny sang đến đây, lại cũng được quý hội để ý gọi mời, thế là một dịp may cho tiện-ny, được thay mặt cho bạn đã quá vắng.



Ba là : Tiên-ny có cái nghĩ : thế-gian này tức là một cái trường Đại-học, để cho tất cả nhân sinh kinh nghiệm học hỏi, vậy nên bất cứ là cảnh ngộ chi, hay trường hợp gì, cũng là chỗ học của người biết lợi dụng học, Phương chi pháp hội này, có nhiều ngài tinh thông Phật pháp, mà tiên-ny được hân hạnh trực tiếp, há chẳng phải chỗ học của tiên-ny sao ? — Còn ngần ngại gì tiên-ny không đem thiền kiến phổ bày, trưng cầu quý ngài khai thị cho.

Thưa quý ngài. Đương buổi phong trào rộ rịp, ngày giờ ngắn ngủi, đứng trước quang cảnh này, tiên-ny được trông thấy quý ngài, phát bồ-đề tâm, tùy hỷ dự thỉnh một cách đồng đảo thế này rất hân hạnh cho Phật pháp trong buổi điêu tàn, song tiếc vì tiên-ny không được cái giọng du dương thâm trầm như tiếng đàn của nhà nghệ thuật, lời lẽ biện luận hùng hồn như tài của nhà văn trứ danh. Vậy tiên-ny xin theo thứ lượng thấp hèn phụ-nữ, rón bóp óc tiêm ra vấn-đề này ; xin cố gắng hiên quý ngài, hầu đáp tạ thanh tình trong muôn một.

Thế mà vẫn biết Ấn tổ đèn Thiền một gốc, nhưng chi ngại vì bắc nam ngôn ngữ bất đồng, vậy xin những lời tiên-ny nói ra có khác tiếng thông thường xứ này, và luận bàn chỗ nào còn khuyết điểm, mong nhờ chư-sơn thạc-đức từ mẫn chỉ giáo, và các ngài thiện tín thứ cho, tiên-ny xin thành tâm đờ tạ.

Thưa quý ngài, tiên-ny xin nói về vấn-đề : « Ai bảo Phật không có Ái-dục là lầm ». Chữ Ái là yêu, chữ Dục là muốn, tức là bản ý tiên-ny muốn nói Phật ta cũng có tình yêu thương ưa muốn.

Thưa quý ngài ! có lẽ cái vấn-đề này vừa đưa bên tai, làm một cái nghi án cho quý ngài, mà có lời gắt lên rằng : Kinh nói : « Do ái-dục phân luân, trí luân hồi sanh tử ». Nghĩa là : chúng sinh từ kiếp vô thủy do lòng ái-dục lằng xằng, đến đời phải chịu luân hồi sanh tử ; và có câu : « Ái bất trọng bất sanh ta bà ». Nghĩa là :

Tình yêu thương không nặng lòng vương víu, thì đâu còn lẩn lộn cõi ta bà, lại khi Phật tại thế, dạy các thầy tỷ khiêu tại Lộc-giã-nyên. về pháp Tứ-đế (Khổ-đế, Tập-đế, Diệt-đế, Đạo-đế). Khi dạy đến hiện trạng thống khổ của nhân loại, Phật có bảo rằng: Chúng người muốn giải thoát căn bản khổ, thì cần dứt hẳn lòng ái-dục; Gia dĩ Phật ngài nhiều đời nhiều kiếp tinh tu pháp lý dục, đã viên mãn giác hạnh, chừng quả vô dư niết-bán, rõ là Phật ngài không còn vi tế ái-dục; Cớ sao diễn giả dám bạo gan bảo Phật cũng có ái-dục, thế là diễn-giả phải bệch thần kinh mà lưu xuất những lời ngậy ngốc chẳng.

Vâng! quý ngài dạy thế là phải, nhưng khoan đã, xin quý ngài thông thả cho phép tiện-ny tiếp luận. Thưa quý ngài, vả chẳng lâu nay phần nhiều người, tưởng Phật không có ái-dục, mới lầm nhận Phật pháp như khai một tờ hời (cây khô do lạnh) mục đích đi 'u cốt để trọn đời, sau khi nếp mình vào cửa Phật, chỉ mơ màng trong ý tưởng say sưa, quanh năm tay lẫn trang hạt, mắt nhắm lim dim, đưa tinh thần đạo cõi bằng lai, như một pho but lâu đời, lóc cóc leng keng, đến vỡ mõ hồng chuông, cũng chưa giải quyết được câu « Từ-bi cứu-khổ ». Có người lại khuaít bản nơi sơn lâm cùng cốc, nhân hưởng thú thần tiên, không còn mảy may quan niệm đến xã-hội nhân sanh, tha hồ để đồng loại kêu van đói rét, thế có chán chưa?

Thêm có bọn thanh niên thiển kiến, như gót đứng ngoài cung đường nhà Phật, chỉ trông được một đôi sư vô giá trị, rồi lầm tưởng toàn-thể tăng-già cũng thế, lại lên mặt phê bình, gât lời bài xích một cách vô lý rằng: Phật-giáo là tiêu cực, Phật-giáo làm hèn yếu nhân loại, tu hành là ký sinh trùng ăn bám của xã-hội. — Như thế là lầm to! — Vậy chúng ta chẳng những là con trung thành của Phật-giáo, mà người hiểu mục đích

Phật-giáo một ít, cần phải mạnh bạo đứng lên cải chính lại. — Cải chính vì lẽ thật !

Thưa quý ngài : Bởi có ấy mới có vấn đề « Ai bảo Phật không có ái-dục là lầm » này ra đời, để phúc biện cái lầm của những người cho Phật không có ái-dục như trên đã nói.

Thưa quý ngài, Ái-dục này, có hay không, nhiều hay ít, là do tánh chất và chủng loại của lòng sở dục. Mà chúng ta phải cần biết tư cách ái-dục có nhiều mục-dịch là ái-dục Thanh, ái-dục Trọc, ái-dục Cao-thượng, ái-dục Đê hạ, lòng ái-dục tùy theo mục-dịch mà xu hướng.

Nói về lòng yêu thương của chúng sinh, là chỉ biết yêu thương thân mình, nào thuốc uống cho bổ, thức ăn cho kỹ, cách mặc cho sang, tìm đủ phương chằm giữ gìn thân thể, cho đến yêu thương vợ ta, chồng ta, con cháu ta, bà con họ hàng ta, ngoài ra đối với ai, đều cho là không quan hệ, cái yêu thương đó là ích kỷ. Còn tánh ưa muốn của chúng sinh, là ưa mình được đẹp, sinh, khỏe mạnh, muốn mình giàu sang, danh vọng hơn người, lắm khi vì ưa muốn mà dám làm nhiều sự trái lương tâm gây tội báo, cái ưa muốn đó là tham trọc về cá nhân. Bởi chúng ta không biết chọn mục-dịch thanh cao mà xu hướng, mãi chú trọng nơi tình yêu thương ưa muốn, về tâm ích kỷ cá nhân, thành thử phải mắc ở trong hoàn cảnh chi phối bị các món ấy nó buộc ràng ép ngặt, không được tự chủ tự do, rồi trở lại cứ tranh dành xâu xé, bóc lột lẫn nhau, đồng cùng chung sống trong cảnh nhơn giaa địa ngục mà không biết.

Trái lại Phật Thích-ca Thế-tôn ta, khi còn làm Thái-tử trong trí óc ngài đã có lý tưởng, nuôi nấng một cái Ái-dục thanh cao, khác hẳn thường nhơn, là « tự giác giác tha », tấm lòng ngài yêu thương chúng sinh vô cùng. Nếu ngài không có lòng ái-dục, thì bao giờ có được cái đại nguyện độ sinh tha thiết như thế. — Ấy là cùng một

tên ái-dục, mà một bên thì bị thúc phược, một bên thì được tự do. Đã từng phen vào tử ra sinh mà chưa hề bị tử sinh làm phiền nhiễu.

Giá quý ngài còn muốn rõ nữa thì đây : — Thử xem lúc Phật ngài còn làm Thiện-huệ bồ-tát, do thiên nhân, thấy chúng sinh lúc nhúc trong bầu không khí ô trược, ở dưới quyền nghiệp lực luân hồi, ngài chạnh lòng bi mẫn. Vì muốn cứu khổ chúng sinh, mới từ già noi Đâu-xuất, giáng chơn hoàng cung, tại xứ Trung-thiên Ấn<sup>độ</sup>, làm con vua Tịnh-phạn Đâu-đa-na, tên ngài là Sĩ đạt-ta.

Lúc bấy giờ nghiêm nhiên trong tay ngài, nắm sẵn ngói vàng, tón vinh cực điểm, muốn ăn thức chi thì ăn muốn mặc cách gì cũng được, muốn sai món nào cũng có đủ đầy, ở lầu rồng gác phụng, nệm gấm giường ngà, ăn thượng thực cao lương, mâm vàng chén ngọc, khi ra vào lại có vợ đẹp hầu xinh nũng nịu bên mình, lúc sớm tối nữ nhạc ca xang vui vầy dưới bệ. — Thế mà ngài vì quá yêu thương chúng sinh, cho nên đối với những món ai cũng cho là đẹp nhưt, vui nhưt, đúng nhưt trên đời mà tâm ngài vẫn không quan thiết, lại còn muốn xa lánh các món ấy hẳn.

Từ lúc mãi đến khi ngài đã nhưt định ném quách những ngói sang ngài báu, con nhỏ vợ non, nửa đêm trốn vua cha lên thăm núi Tuyết-sơn, cất lóc tu hành, một lòng cương quyết tâm sư vấn đạo, trong sáu năm khổ hạnh, ngồi dưới cội Bồ-đề, khổ nạn cho các anh chim qua, thấy ngài ngồi không cử, động lại chơi đùa nghịch, lột ổ mái trên đầu, thêm mấy ranh con nhều nhện, cũng thừa cơ giăng chỉ theo chặn mây, làm lưới bắt mối, mà Phật vẫn tự nhiên không hề đập dũi. — Có sao thế ? Vì Phật ngài quyết hy sinh thân mạng, chỉ đem thân tâm, nong nã truy cầu cho ra nguyên nhân thống khổ do đâu, và suy liêm phương pháp thoát khổ cho chúng sinh ; chừng đạt được mục đích rồi ngài mạnh mẽ phất

day, đến vườn Lộc-giã, độ 5 thầy tỳ-khiêu trước như; rồi lần lần đi khắp cả ngũ thiên Ấn độ, thuyết pháp dạy người. Trong 49 năm, hơn ba trăm dư hội, nói đủ tam-giáo hải, lập ra tám muôn bốn ngàn pháp môn, vạch chỉ rõ con đường thoát khổ cho chúng sinh, đúng tám mươi tuổi ngài nhập niết-bàn nơi Ta-la-xong-thọ, giáo pháp của ngài vẫn còn lưu truyền lại. Chẳng những thế thôi cho đến từ vô-thỉ kiếp đến nay, lòng bi mẫn của Phật, vẫn đeo đuổi bên chúng ta, không giờ phút nào xao lãng.

Thưa quý ngài, Đức Thích-tôn từ phụ ta, đem cái đời lớn vinh cao quý, ăn trâu tu, mặc hoại lộ, ở cực kỳ trang nghiêm sang trọng, ngài hy sinh tất cả, đến thân nhânh vàng lá ngọc cũng hy sinh; hy sinh một cách quyết liệt như thế là vì lẽ gì?

— Có phải ngài vì quá yêu thương chúng sinh, muốn chúng sinh hết khổ được vui, muốn thế giới ta bà này trở nên cảnh giới cực lạc không? — Thế thì không phải ngài có Ái-dục chớ là gì?

Thiết tưởng căn cứ lòng từ bi lai láng, tám bậc ái này đầy của ngài, thì dầu chúng ta nói ngài là một bậc có đại ái-dục cũng chưa phải là quá đáng!

Ái-dục, phải có ái-dục mới gần chúng sinh, không rời xã-hội, mới thích hợp với tư trào Phật-học ở thế kỷ hai mươi này. Ước mong tất cả đạo sĩ Bắc, Trung, Nam nhớ rằng, Phật pháp đối xã-hội như sanh có quan hệ mật thiết, gần học đòi gươn ái-dục của đức Thích-tôn, đồng hướng ứng tiến hành dung hòa từ bình thức lẫn linh-thần, cùng nhau đấu lưng đấu cật, duy trì Phật pháp tương lai, và giúp ích cho xã hội trong buổi điều linh tàn khốc.

Cũng xin nhắc nhủ với các người thanh niên thiện kiến phải biết Phật pháp là Phật pháp, Phật pháp không phải Tôn-giáo vì tôn-giáo còn sơ tôn nhưt thần; Phật-giáo

bần thật là vô thần, muốn biết Phật-giáo nên biết đến chỗ chơn linh-thần của Phật-giáo, chơn bình-đẳng của Phật-giáo; Chính Phật Thích-ca là người thật hành chủ-nghĩa bình đẳng trước nhất. Trong kinh Kim-cương chính nơi miệng Phật nói rằng: Pháp ấy bằng bực không có cao thấp (thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ) và tuy nói rằng ta độ chúng sinh, thật ra không có chúng sinh nào ta độ cả (thiệt vô hữu chúng sinh Như-lai độ dã). với câu: Mê là chúng-sinh, giác ngộ là Phật; Ta là chúng-sinh nay đã thành Phật, các người là Phật, nhưng còn làm chúng-sinh. Quý hóa thay câu nói ấy, nó hàm súc cái ý nghĩa bình-đẳng thật rộng lớn. Phật-giáo không bao giờ bảo người lo lót cũng vưng cao lễ, mới lạy chiều vái, khăn khăn cầu cầu mà ngài nói hộ cho; Những ai đua vịnh bợ đỡ những pho bụt ở ngoài, mà không biết Phật ở trong tâm, là không phải đệ tử Phật, vì trong kinh có câu: Nhất thiết chúng sinh đồng một nguồn giác tức là đồng một tánh Phật. Bởi chúng ta nhiều kiếp bị mây vô minh phủ che vưng trăng tánh, sóng ái-tình dồn dập nguồn tâm, linh linh say say, trong trường đại mộng, nếu chúng ta biết giác ngộ, tu hành tinh tiến, tìm thấy được « Bản giác diệu minh » thì cũng được viên thành Phật quả. Cho nên Phật mới nói các người là vị lai chư Phật; Thế có phải Phật pháp là bình-đẳng trong cái bình đẳng hay không?

Thời kỳ này vũ minh tấn bộ, phần đông căn cứ vào Biện-chứng-pháp, mà Phật-giáo là ông Tổ của biện-chứng pháp, phân lích Tánh Tướng Thể Dụng của vũ trụ vạn hữu một cách tinh tường, Phật pháp chính ở nơi tai nghe mắt thấy của loài người, không phải là mô trong những pho sách cũ kỹ, hay tìm ở Thiên đường Lạc-quốc đâu đâu; Cho đến thuyết vô ngã của đạo Phật, vừa có tánh cách công cộng, vừa có tinh thần hy sinh một cách hùng dũng.

Lại Phật-giáo có chủ-trương thuyết nhưn quã, dạy người biết gốc nguồn vũ-trụ vạn-hữu một cách triệt để.

Xin tạm nói hạt giống là nhưn, trồng lên cây là quã, cây đó là nhưn, trái đó là quã, mình gây nhưn tức mình phải trả quã, thì dù xuống nước nhưt định phải ướt mình, vào lửa nhưt định phải cháy da, mình gây nhưn giữ nhưt định trả quã dữ, làm nhưn lạnh nhưt định hưởng phước lạnh không sai một mảy.

— Thế sao có người hiền lương đức hạnh mà tai nạn việc dữ đến luôn; còn người ác đức bất nhưn lại bình-an vui vẻ?

— Phải, con mắt phạm tục chúng ta thường thấy như thế. Mà biết đâu những người đời nay hiền đức, mà đời trước hung bạo, người đời nay ác nhưn, mà đời trước hiền lành. Trong Á-tỳ-đạt-ma-cu-xá-Luân, có phân tích tình trạng nhưn quã như vầy: 1.) « Thuận-hiện-nghiệp ». Nghĩa là: Tạo nghiệp đời này, thì chịu ngay quã báo ở đời này; 2.) « Thuận-sanh-nghiệp » nghĩa là: tạo nghiệp đời này đời sau mới chịu quã báo; 3.) « Thuận-hậu-nghiệp » nghĩa là: đời nay tạo nghiệp qua sau cái đời sau, nghĩa là cách 2 đời mới chịu quã báo; 4.) « Định nghiệp bất định nghiệp » nghĩa là: chịu quã báo không có thời kỳ nhưt định, hoặc đương đời, hoặc đời sau, hay là qua đời sau nữa; 5.) « Biệt nghiệp » nghĩa là nghiệp riêng của ai làm nấy chịu; 6.) « Cộng-nghiệp » nghĩa là nghiệp báo chung của toàn-thể.

Xem thế thì làm lành mà chịu lấy quả khổ, làm ác mà hưởng quả vui, tưởng cũng không lạ, vì quả đời này tức là nhưn đời trước, mà nhưn đời này tức là quả đời sau vậy. Lại trong kinh Na-tiên Tỷ khiêu, vua Di lan Đà có hỏi rằng: « Người sanh ở đời, ai cũng có linh hồn, có thể chết, cũng tay chun mắt mũi, cũng có tư tưởng tri giác như nhau, có sao, có kể lên xe xuống ngựa, gác tía lầu son, có người lại mặc rách ăn bèn tay bùn chun

lắm, có kẻ sao ngu si dốt nát, lại có người đĩnh ngộ thông minh có kẻ mạnh khỏe trót đời, có người suốt năm đau ốm, người sao sinh đẹp, người sao lại xấu xa, người sao bị chúng nghi ngờ, người sao được đời tin nhiệm? — Na tiên lý khiêu đáp: « Ví như trái cây, có trái đắng, có trái ngọt, có trái chua, có trái chát. Bởi có gì cũng đồng là trái mà khí vị khác nhau? Ấy bởi cây trồng khác giống. Theo như mấy lời nói đây, vậy thời trong đời cũng đồng con người mà tạo ngộ có khác nhau, đều bởi nhơn trước của mỗi người tạo ra lãnh giữ khác nhau.

Nếu chúng ta biết sợ quả giữ, thì đừng gây nhơn giữ muốn hưởng quả lãnh; thì phải tạo nhơn lãnh, sự báo ứng lãnh giữ không sai một mảy, không cần phải bởi bởi cúng vái ai cả.

Các ngài có biết chăng? Phật giáo chỉ nói chúng ta ở dưới luật nhơn quả chứ không phải ở dưới quyền một đấng thiêng liêng nào, nghĩa là: nhưt thiết do ta chủ động chứ không ai thưởng phạt ai được. Người chơn chánh học Phật Không bao giờ phục tòng nô lệ những quý nhảm thần xướng có cái óc tự tin tâm mình, hằng lo sợ luật nhân quả không hề sợ thần sợ quỷ.

Nói tóm lại; Phật pháp thâm diệu u huyền không phải thực lượng phạm phu, bao giờ các ngài thanh niên bãi dịch Phật giáo ấy đạt tới cảnh giới « Bất tư nghị » của Phật, nhiên hậu phê bình mới đúng sự thật. Bằng chưa được vậy, thì phải lấy vải buộc mõm, giữ gìn khẩu nghiệp khĩ lòng chánh tín Phật pháp tăng, chánh tín luật nhơn quả, thật hành Phật pháp; Tin chắc luật nhơn quả sẽ rõ gốc nguồn vũ trụ nhơn sanh, tin chắc Phật pháp sẽ được muôn phần lợi ích.

Luôn duyên đây tiện ny xin vô phép kính thưa quý ngài tăng già cư sĩ có chơn trong hội Phật giáo Bắc kỳ này: Tiện ny hạnh phúc sang đến quý địa đây, trông thấy quý ngài thể theo lòng bác ái của Phật thương



chúng sinh đắm chìm bề khổ, muốn đem hạt giống từ-bi mà gieo rắc đất Bắc thành, mời tổ chức lập thành cho hội Phật-giáo, chính mắt Tiệp ny thấy như mấy ngày đây quý ngài đem hết sức mệt nhọc, tổ chức cuộc trai đàn long trọng như thế này, vừa kỳ siêu bạt độ vong linh, vừa cầu bản bố thí, cái chí hướng cao thượng ấy thật đáng kính đáng phục,

Nhưng tiếc vì chưa hoàn mỹ, là Tiệp ny trông thấy quý địa này nhiều người giàu lòng tin ngưỡng mỗi sự gì cũng tin ngưỡng được cả không chú ý phân biệt chánh tà chơn ngụy. Thậm chí có người đã thọ quy giới là đệ tử Phật rồi mà không trọng giá trị đạo Phật, cứ tin sằng tưởng chạ phu cốt bóng chàng, ép mặt kuôm lưng, bái tế tà thần giả quỷ; Lại có nhiều người cạo đầu mặc áo, ra vẻ đạo mạo tu hành lại sách thùng mủng đi khuyên giáo như kẻ máy quá lộ, làm thất thể diện nơi Tăng bảo, sợ e ngoại đạo trông vào cơ hiềm Phật giáo đi chãng. Thưa quý ngài, trong đời vật gì thấy thường không cho làm lạ, chớ con mắt của kẻ du khách này trông qua lắm é chề, tiệp-ny xin thành thật yêu cầu quý ngài chơn Phật tử, đã là chốn hưng thì phải chấn hưng một cách hoàn toàn, nên quan tâm những chỗ khuyết điểm ấy, trừ nghị cách nào, thủ tiêu những mê tín hoang dăng, đem mẫu giống chánh tín, gieo vào tâm địa tín đồ, và khuyên tín đồ nên bớt những số tiêu sai vô lý ấy, hoặc tổ chức bố thí cho những kẻ bản cùng, hoặc lập trường Phật học, đào tạo tăng ni nhưn tài, hoặc trợ cấp cho học tăng du học các nơi để khảo cứu tôn chỉ Phật giáo nước người, hầu đem về làm tài liệu Phật giáo ở xứ ta, như thế hạnh phúc cho Phật pháp lợi ích cho xã hội một cách chu đáo.

Ước mong lời lẽ số sàng này, thấu đến tai quý ngài chơn Phật tử, không quở tiệp ny rằng trẻ danh nói nhảm thì trong việc hành cước của tiệp ny mới có phần lợi ích. Rất đội ơn.

Xin chào quý ngài

Thích-nữ Diệu-Tịnh (Nam-kỳ)

(tiếp theo)

## (Phái Tì-ni-đa-lưu chi)

Đời thứ mười ba — Có sáu vị

(Khuyết lục mất hai vị)

## 1. — Huệ sinh Tăng-thống 惠生僧統

Huệ-sinh Tăng-thống trụ trì chùa Vạn-tuế, kinh thành Thăng-long, quê ở làng Long phủ liệt, nhà họ Lâm 林 húy là Khu 樞. Nguyên một người con cháu Lâm-công-Phủ ở Trà-sơn 茶山 Vũ-an 武安, là Khoáng vì lấy con gái quan Tăng lục họ Quách làng Đông phủ Liệt, nên đến ở làng ấy. Sinh được hai con trai, người con lớn tên là Trụ 柱 làm đến quan Viên-ngoại-lang tòa Thượng-thư Bình-bộ. Người con thứ tức là Huệ-sinh Thiên-sur. Thiên-sur tương mạo đẹp một cách hùng vĩ, biện luận trôi chảy lại có tài làm văn hay, viết chữ tốt, vẽ khéo. Mỗi khi học Nho có thi giờ rảnh thì lại nghiên cứu về sách Phật, các kinh luận không sách nào là không xem khắp. Mỗi khi bàn đến chỗ cốt yếu của Phật pháp thường cảm khái ứa nước mắt ra. Tuổi 69 (sách chép 年六九?) bỏ tục cùng với bạn là Hạc-lâm Pháp-thống 鶴林法通, cùng theo học Quang-hưng Định-huệ 光興定惠 Thiên-sur ngày càng tiến tới về Phật học. Ngài Định-huệ võ vai tỏ ra coi trọng lắm. Từ đó Huệ-sinh-sur đi chơi khắp mọi chốn Thiên-lâm, thỏa nguyện về Thiên-học. Bắt đầu trụ-tri ở chốn Bồ đề núi Trà-sơn. Mỗi khi nhập định hàng 5 ngày mới giậy, đời gọi Người là Nhục thân Đại-sĩ (Phật sống).

Vua Thái-tông nhà Lý nghe liếng sai sứ-giả đến mời Người. Người bảo sứ-giả rằng :

— « Ông không trông thấy con sinh trong lổ tế dấy ư. Lúc chưa tế, người ta cho nó ăn cỏ thơm, quần vóc nhiều vào mình nó. Đến lúc giết nó vào nhà Thái-miếu thì nó chỉ cầu cho được sống sót cũng không sao được, nữa là còn cầu việc gì khác ».

Nói thễ rồi Huệ-sinh Thiền-sư cố từ không ra. Vua lại cho đến với một lần nữa Thiền-sư mới phải chịu vào cửa. Khuyết diệu đối, vua nghe lấy làm bằng lòng lắm, phong cho Thiền-sư chức Nội-cung-phụng-tăng, ban tờ sắc cho cứ trụ-trì ở chùa Vạn-tuế. Một ngày kia trong đại-nội có làm trai cúng tăng. Vua hỏi :

- « Trẫm thấy rằng, đối với nghĩa tâm nguyên của Phật-lữ, học giả thường cãi lộn với nhau. Nay trẫm muốn các vị thạc đức ở các nơi về đây mỗi vị đều thuật những điều mình đã hiểu được ra để trẫm xem các vị đã dụng công học hỏi thế nào ?

Huệ-sinh Thiền-sư liền ứng khẩu đọc bài kệ rằng :

法	本	如	無	法	Pháp	bản	như	vô	pháp,
非	有	亦	非	空	Poi	hữu	diệu	phi	không.
若	人	知	此	法	Nhược	nhân	tri	thử	pháp,
眾	生	與	佛	同	Chúng	sinh	dữ	Phật	đồng.
寂	寂	禪	伽	月	Tịch	tịch	Lăng-già	nguyệt,	
空	空	瘦	海	舟	Không	không	độ	hải	chư.
知	空	覺	有		Tri	không,	không	giác	hữu.
三	昧	任	遊	週	Tam	muội	nhệm	thông	chư.

Dịch :

*Pháp này vốn như không có pháp,  
 Tự nó chẳng có cũng chẳng không.  
 Ai mà hiểu được pháp là thế,  
 Thì hiểu chúng-sinh, Phật là chung.  
 Vắng nguyệt Lăng-già soi vắng tịnh,  
 Con thuyền độ hải nhẹ lóng lánh.  
 Đã biết không rồi lại biết có.  
 Cõi thiền tam muội tự soay vần.*

Vua Lý Thái-lông lấy làm khen phục lắm, liền phong Người làm chức Đô-tăng-lục 都僧錄. Các bậc vương-công bấy giờ như Phụng-loát Thiên-vương, Uy-vũ Hỉ-tử, Thiệu-huệ, Triệu-khánh, Hiền-minh Thái-tử, Thượng-tướng Vương-Thác 王托. Thái-sư Lương-Nhiệm-Văn, Thái-bảo Đào-xử-Trung, Tham-chính Kiều-Bồng, đều lui tới hỏi

đạo, tôn Người là bậc thầy. Đến triều vua Lý Trang  
tông thăng cho Người lên chức Tá-nhai Đô-tăng-thống  
左街都僧統 phong tước Hầu không gọi đến tên húy.  
Năm Gia-khánh thứ 5, Giáp-dần, khi Huệ-sinh Thiên-  
sư sắp tịch, Người gọi đồ chúng lại mà đọc bài kệ  
rằng :

水火日相參, Thủy hỏa nhật tương tham.  
由來未可談 Do lai vị khả đàm.  
報君無處所 Báo quân vô xứ sở.  
三三又三三 Tam tam hựu tam tam. (1)

Dịch :

Thần tứ đại chung cùng thủy hỏa,  
Lẽ do lai ai đã bàn ra ;  
Đâu là xứ sở của ta,  
Ba ba rồi lại ba ba có gì.

Lại một bài kệ nữa :

自古來參學, Tự cổ lai tham học,  
人人指爲南. Nhân nhân chỉ vị nam.  
若人問新事, Nhược nhân vấn tân sự,  
新事月初三. Tân sự nguyệt sơ tam.

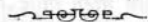
Đọc xong Người đi tắm, rồi thấp hương ngồi đến nửa  
đêm thì lặng yên mà tịch.

Huệ-sinh Thiên-sư từng vâng tờ triệu đề soạn những  
bài văn bia chùa Tiên-du, chùa Thiên-phúc, chùa Thiên  
thánh, chùa Khai-quốc, chùa Vũ-ninh, chùa Diệu-nghiêm  
và chùa Báo-đức. Người lại có làm được mấy quyển  
sách như Pháp-sự trai-nghi, Các văn tán chốn đạo-  
tràng, đều có lưu hành ở đời. (còn nữa)

D. N. T.

(1) Có 3 phép quán tam muội gọi là « Tam tam muội  
三三昧 ». 3 phép quán tam-muội lại đều có phép quán  
« không tam muội 空空三昧 », gọi là « Trùng không  
tam-muội 重重三昧 ».

## Tăng-lữ thiếu-niên



Kính bạch chư sơn tăng lữ thiếu niên, đức Phật tổ ta khi xưa, chịu biết bao phần gian lao về đường tu luyện, chịu biết bao phần đau lòng khổ niệm, mới chỉ bày cho ta được những pháp màu, để trị linh nuôi tinh, mở trí khai thần cũng do Phật lo sáu, nghĩ ra cho chúng ta hay có tính kiêu căng, lười biếng, đến nỗi một kiếp tu hành, không rên thành một chữ tâm, nên Phật phải dùng đến hai chữ rất mật thiết với tâm tính, mà đặt tên chung cho chúng ta là Sa môn, Phật lại nói : « Thực tâm đạt bản danh vi Sa môn 識心達本名爲沙門 ».

Nghĩa là : làm thầy tu phải biết đến ngọn lòng đầy tính, chúng ta thử tâm tự hỏi tâm, đã dám tự lấy tên quý ấy thực chưa ? Hay là còn thẹn hổ ? Nếu còn thẹn hổ, thì nghe đâu có tiếng trống mở suối cam lộ, để rửa tâm trần, nghiệp thức, đâu có cây nêu chình giác, để chỉ lối tính thân, tính đời, thì nên mau mau bỏ hết lòng nhân ngã, rủ nhau đến mà kết tập cho có quy mô, bắt buộc nhau về đường học tập, tu luyện, mong rằng khỏi phục lại cái tên quý báu của Phật ban cho ta. Ôi ! đau đớn thay ! Lâu nay cái tên quý báu ấy, đã hóa ra rỗng rần lẫn đàn, vàng thau một núi, cùng mùa mang, sen lộn với cái đời bề bực non xanh, cát vàng bụi tía này, đương cần phải có cái lối biện tài vô ngại như tổ Bách trượng bên Tàu ; có chi phù nguy lễ cấp cho tăng già như tổ Thủy nguyệt bên ta, cam nhẫn, chịu nhục, bỏ mình, vì chúng, pháns đấu tinh thần, bốn ba vi đạo, thì mới có thể khỏi phục được cái danh Sa môn ở đời này, mà cái danh Sa môn còn thì Phật pháp còn, tôn quý thì Phật pháp xương mình, để hèn thì Phật pháp suy nguy, tiêu diệt thì Phật pháp trầm ần, ta có thể cứ giữ cái áo thường : tư môn phái, tư học vấn, tư cảnh thổ, tư tài sản, ngồi đờ xem cái cây chình giác của chúng sinh dụng lá khô cành, nên phúc ấm của tăng già lỡ sự không ? Nếu cam tâm mà

dễ vậy, thì rồi đây ta có cơ hội nguy khốn vô cùng mà sau này chúng ta còn diện mục nào mà trông thấy đức Giác hoàng trên điện các xa xa nữa ? ! mà chính Phật đã dạy : « Giữ được giới tâm, thì dầu sa cách Phật nghìn dặm cũng vẫn liền với Phật, không giữ được giới tâm thì dầu liền ngay bên Phật cũng vẫn cách xa nghìn dặm », mà không công phu tu luyện, thì không thể thấy được giới tâm xuất hiện. Có thấy được giới tâm thì mới thấy được Phật lực hiển ứng, thấy được Phật lực hiển ứng thì tin tâm mới kiên cố ; chỉ học mà không dụng công tu luyện thuyên, quán, hay hành đại bi xán hay tịnh độ xán cho lịch nghiệp, cũng thấy được Phật lực và pháp mầu hiển hiện cho mình thấy thực, thì sách vở chỉ là sách vở chết ; giảng nghĩa lý chỉ là những rì rì nói xuống, học la đưa đường, tu mới là đi đến nơi. Ta phải nhớ cả Phật lực và giới tâm, thì mới có thể ra mà chấn chỉnh thuyên sơn, mở mang giáo hải, phục lại được cái sự nghiệp phổ độ của đức Giác Hoàng được. Nhưng muốn làm to tát phải tập từ nhỏ, phải tích lũy công phu từ chỗ lễ nghi, tiết hạnh của con, nghĩa là phải lấy tu tâm thân làm gốc, chứ ngoài tâm thân ra không có gì gọi là đạo cả. Vậy lời xin phép các bạn đề đem cái phương châm sở kiến của con, trình bạch cùng anh em đồng chí nghĩa vụ nhà tu ở đời này, cần phải cộng hòa cả tư tưởng, học vấn, cộng hòa cả môn phái, tài sản mà gây dựng lên được là ở thanh niên chúng ta, cần nhất là chúng ta ai cũng phải lấy tâm chữ : Thanh cần, tiết kiệm, học vấn, tu luyện làm tinh mạnh, phải an phận náu sống, vui lòng đưa muối, thóc tiền lẫn tiền, cảnh giả tùy an, nếu nhờ phúc duyên mà có thừa thãi, thì đem góp làm của chung là kho thuyên học bảo trợ để bồi dưỡng cho các bạn lúc khó về học tập và sinh tu, mà cần nhất, ai cũng phải lấy tâm lực về đường học tập kinh điển, tìm tòi giáo lý, chia nhau mỗi người học luyện một môn đến lúc góp cả lại thành ra lạng đoàn mình môn nào

cũng nghiệm, pháp nào cũng hay, thế mới gọi là biết đạo ; lại phải đem giới luật ra mà ràng buộc nhau, không làm những sự ô uế pháp môn, phá hủy đoàn thể, mặc ai quyền quý không dua nịnh, mặc đời danh lợi không cầu cạnh, chỉ có chết thì thôi, chứ khi phách tu hành không bỏ, tuy thân có chết nhưng tinh thần khi phách vẫn còn làm gương cho đoàn thể nghìn muôn đời soi chung, ai cũng như thế mới gọi là đoàn thể có tâm giới, rồi cùng nhau tu thuyền định, cùng nhau phát sinh tuệ, như thế mới là một đoàn thể có đức. Khi đầy đủ đạo đức rồi, bấy giờ tức tâm chúng ta là cây Đuốc tuệ, sáng láng rực rỡ, soi thấy vô tận các khôn chỉ như quả bầu cỏn con. hà sa thế giới cũng như hạt bụi lay phay, mắt không kim cở, tâm tức sắc không. Tuy nói không mê không ngộ, thực ra vẫn vô hạn chúng sinh, khúm núm trong ba cõi chìm nổi ở sáu đường ; tuy nói không thành, không phạm mà vẫn thấy vô hạn phạm phu, dam hãm quần bách, như cá chậu chim lồng, trong giây phút biết bao nhiêu là chúng sinh, thay hình đổi dạng, mọc cánh, đeo sừng, khổ nạn trong vòng sinh tử, mà chúng ta giải thoát sáu đường ; tung hoành ba cõi, tựa hồ như rồng bay phượng múa, bấy giờ mới đem cái trách nhiệm, lái trèo trỉ, chổ thuyền từ ra bề khổ mà hô hào cứu vớt chúng sinh ; hoặc là khai thông thuyết pháp hoặc là giảng kinh dịch luận, hèn âm tốn cho chúng hậu cón, làm mất chính cho đời theo giới.

Đạo đầy, học đủ, thì tiến lấy giáo lý tinh thần mà dậy đời, nếu tài hèn học kém, thì thoái lấy sự nghiệp phúc duyên mà giúp chúng, đến khi thành công chi hậu quả bỏ đề thăng bước cao vịn, bấy giờ ai đã hơn ai, nhưng việc giúp ích cho lòng làm, công chúng, cần phải bỏ lòng « đức sắc », bỏ nết phan duyên tự lợi, bỏ điều vinh nhục hư danh, gửi mình vào từng lâm học địa, sẽ đem cái kiến thức thực học, thực tu ra mà khuyên nhủ dân em học kèm, nếu mà kém nữa thì phải hết ực lượng mà gánh vác lấy những công việc nặng

nề vất vả, nào là thừa sự sư trưởng, nào là bang trợ đàn em, lấy việc Tam bảo làm việc mình, lấy nghĩa từ ân làm phận sự; tuy nói là lợi ích chung, nhưng chính là bởi thực lấy đạo quả riêng mình, nếu mình tu hành mà thờ ở những việc ấy thì còn việc gì nữa?! Cần sao cho một đời công án tròn chẵn thơn tho, chứ đừng chịu cái tiếng phù sinh vô ích, địa ngục hữu danh đề đời mai mả chê cười. Nếu vị nào cũng đi một con đường thế nguyện linh tiến như vậy, hai ba mươi năm nữa sẽ trông thấy cảnh lượng Phật giáo xương mình, Tạng già đĩnh thịnh. Xin các bạn thử nghĩ xem, từ khi thức thân ta phối hợp với chúng duyên mà phát sinh ra thân căn, đã có thân căn thời phôi có ân nghĩa, nào là cứu nguyệt hoài thai đau nặng, tam niên nhũ bộ héo hon, nào là lo : đói, rét yếu, đau mà phải ngược xuôi nặng nhọc, mà phải lâm lụy đầy ái, chỉ vì mình mà phụ mẫu phải chịu cách hồi tanh, ô-ũế, khó khăn đờn dản từ bé chỉ nhơn, chịu biết bao phần chua xót, đắng cay, ơn đức ấy non nào cao thắm, bề nào sáu bằng, nếu bỏ đi mà không đền báo, thì đã không có bậc thang nhân đạo mà muốn trèo lên đài làm Phật, làm Tồ, quyết nhiên không đời nào được, mà phụ mẫu ta sở dĩ cho ta xuất gia, cũng là do lín rõ ràng rằng : « con tu hành được sau này được nhờ công đức ấy mà giải thoát siêu thăng, mà ta cũng muốn thực hành chữ hiếu khác trời gian, chữ tu ngoài thế tục, nên mới xuất gia, nên ái ân không tơ vương, thân hôn không định lĩnh, cam chỉ không cung dưỡng, già yếu không hầu hạ, nóng lạnh không quạt ấp, gia đình bỏ vắng vẻ, điền viên bỏ hoang vu; về hậu sự thì hương hỏa không nổi giỡi, phần mộ không trông coi, nếu không tận tâm kiệt lực, tu hành lấy công đức mà báo đáp đền bù, thì phụ mẫu tử tôn còn trông cậy vào đâu?

Mà chúng ta thực là một đảng đại lợi trong nhân đạo, thế thì còn mong được làm người để làm gì? Nữa là còn có nhiều người không biết thẹn hổ, chỉ say mê vật



dục, bè đảng vô loại, bát vô nhân quả, phỉ báng kinh thừa, buôn bán pháp môn, phá hoại trai giới, đạo mầu không học, pháp mầu không tu, áo khăn Phật tử bung giã trần ai, chôn vùi chân linh, nắn ná qua đời, rõ ràng thấy mình có nhân thành Phật mà chỉ vì bốn tước bằng phân tham, nước dục, nên kết thành quả địa ngục. Vậy thời thử hỏi : gặp Phật pháp để làm gì ? Lại còn nhiều người đánh lộn vào trong tăng đoàn, để chiếm cứ lấy cảnh Tăng lâm, phá tan quy củ, dìm bỏ tôn môn, hoặc là theo cái thói ngông cuồng lãng mạn, nào là ngạo du sơn thủy, nào là hững hờ giang hồ. Có biết đâu sơn thủy là để đãi cho những bậc cao tăng, linh diệu thánh thai, hay hoặc ngấm vịnh để tả linh tinh, hoặc hiền nhân trí sĩ ẩn dật để nuôi danh nghĩa răn đời, chứ còn tâm trần, ác thức, đối với cảnh sơn thủy thật là vô vị ; giang hồ là cảnh đãi những người háo hiệp phong nhã, chứ không phải là cảnh của nhà tu thường thức, lại còn những sự kết đàn tu họp, thậm chí ư tệ ác, không thể kể sao cho xiết được, sao không nghĩ một mình hèn rồi một mình trảy lười phóng đảng, làm hại biết bao nhiêu ảnh hưởng cho tăng đoàn. Người tu hành mà không biết nghĩa vụ tăng già là gì, thì tâm tự hỏi tâm xem phát nguyện gặp chúng tăng để làm gì ? Đã gặp chúng tăng mà không có khi phách tu hành chi cả, mà hễ gặp ai có chí học hành thì ngăn trở, ai giữ gìn đạo đức thì phỉ báng cho là đạo đức giả, chỉ muốn ai cũng mộng tưởng mê muội như mình, ai cũng ngông cuồng điên đảo như mình, Phật chẳng lẽ, giới chẳng giữ, định chẳng lập, lòng làm học chúng không bang trợ, thầy tổ không giáo huấn, dân gian không khai hóa, chỉ mong bụng bịt tiêu vãi ngu hèn, dân ngoan mê tín, rồi chiếm lấy một cảnh thờ, ai khuyên đến việc nghĩa vụ, thì tìm cách thoái thác, để giấu giếm cho thỏa mãn khe tham hố dục, còn dư dật ra thì sẽ quăng ra cho đàn cò trắng to mồm cả tiếng, khi nào không đủ cung phụng chúng, thì chúng

sẽ cho một mẽ. Ôi thôi! sư giả cảnh, tớ bỏ thầy, khần gói khoác vai, lếch thếch lang thang, moy mà khèo thiệp thể, thì được ở hết đời. Nhưng lúc một nơi đã tắt, thầy tớ lại phải theo cách thức của thầy mới ở được, nếu không thì họ sẽ liệu cho mấy lên phu liệu lý với cái thân vô chủ, còn liền thóc sẽ chia nhau dành dụng, hồn thần của mình sẽ xuống Diêm la mà đối án, vào kiếp luân hồi, thế là một kiếp uổng công phụ mẫu, thiệt đời thống minh. Nhưng thôi chúng ta cũng nên thương cho những vị thiệt thời như vậy là do mình không có đoàn thể để trợ nhau, cùng nhau thực hành cái tôn chỉ từ bi bác ái, cái chủ nghĩa lục hòa thân thiện. Từ nay đại chúng thân niên ta đồng tâm hiệp lực mà thực hành, thì mới khỏi lăm đường lạc lối, mà đoàn thể tăng già ta mới khỏi phục được cái danh nghĩa Sa-môn; chuẩn hưng được Phật pháp, thì có hiểm gì mà chúng ta không trọn được công nghiệp xuất thế trượng phu, ngoại trần nhàn vật ru?!

Baetsi các bạn, tôi nói đây là muốn đem cái gương trước mà soi sau đó thôi, chứ thực ra từ khi tôi ra làm việc hội Phật đến giờ vừa phần dịch kinh vừa phần thừa tiếp các bậc cao tăng thực được ở hội quán cũng nhiều, tôi đều cầu khẩn các ngài, đem cái sở học sở tu ra mà quảng hoằng Phật đạo, thì các ngài đều chỉ giáo rằng: là Phật tử tu thân mà không có chí, thì vọng thân Phật đạo, hạ hóa chúng sinh thì tròn thế nào được quả bồ đề. Nhưng bệnh đã nặng thì phải hái thuốc hay mới chữa được. Chúng tôi hiện thời đương phải học luyện những phương pháp diệu, kể bao giờ thân niên công thì chúng tôi sẽ ra mà thực hành để cứu bệnh, tâm cho đời, thì mới có hiệu quả.

Trong tăng lữ còn có nhiều các ngài, vậy thì thân niên ta cũng còn có cái đại hy vọng về sau nhiều lắm. Vậy tôi xin thay các bạn mà đổi nên sưong lòng dảng đến các nơi thuyên phòng, lân cận thất đề cầu nguyện cho các ngài chóng được thành công mà ra cho, kéo đời nguy toi lắm.

Sa-môn TỖ-LIÊN

Ngài Ca-diếp cầm tay nói :

— Ta muốn cho người đoạn sạch trần duyên, chúng đáng thành quả, nên mới đuổi người ra, người nên hiểu rõ, chớ có ăn năn. Ngài Át-nan nói :

— Nếu con còn ăn năn, thì sao gọi là sạch trần duyên được.

Nói rồi lễ tạ ngài hầu. Bấy giờ là buổi mới an cư được 15 hôm vậy. Ngài Ca-diếp bảo ngài Át-nan rằng :

— Đức Như lai hường đối cả đại chúng khen người là nghe nhiều nhất, ghi nhớ giữ vững được hết thầy mọi pháp, nay người nên lên tòa, tụng hết các kinh cho đại-chúng nghe đi

Ngài Át-nan vâng mệnh đứng giẫy hương về chỗ Phật nhập Niết-bán làm lễ, rồi lên tòa tụng kinh. Đại-chúng nghe rồi chép theo, tập thành Tổ đát lăm-tạng. (Tạng kinh). Kết tập Kinh xong, lại sai ngài Ưu-ba-ly tụng hết thầy các điều Giới-luật, kết tập thành Ti-nại-gia tạng (Tạng Luật). Kết tập Luật xong, chính ngài Ca-diếp thân lên tòa tụng hết các lời luận áo, kết thành Tạng A-ti-đam (Luận Tạng). Ròng rã trong ba tháng hạ, kết tập xong ba tạng viết vào lá bối, truyền bá khắp các nơi. Các thánh chúng cùng báo nhau rằng :

— Chúng ta kết tập ba tạng này, là để báo ơn Phật đó.

Ngày nay ta còn được biết đến phép Phật đều là nhờ ơn các thánh chúng cả. Vì ngài Ca-diếp là bậc thượng-tọa trong tăng-giới đứng chủ chương việc kết tập, cho nên mới gọi Kinh-Luật-Luận ấy là «thượng tọa bộ». Về phía Tây cách đây độ 20 dặm, có cái tháp, do vua Vô-ưu xây lên, tức là chỗ của đại chúng bộ cùng họp. Vì lúc ngài Ca-diếp kết tập Kinh tạng, có 2,300 vị, hoặc đã chứng La-hán, hoặc chưa chứng La-hán, vì chưa sạch hết trần duyên, không được giữ hội, mới họp nhau ở chỗ ấy mà bắc nhau rằng :

-Khi đức Như-lai còn ở đời, chúng ta cùng học một thầy, nay đức Thế-tôn diệt độ rồi, lại xua chúng ta ra, chúng ta dễ không kết tập nổi Pháp-tạng để báo ơn Phật sao!

Bấy giờ lại kết tập Tổ-dật-lãm tạng, Ti-nại-già tạng, A-ti-đàm tạng, Tập tập tạng, Cẩm chú tạng, riêng ra 5 tạng, vì trong hội đó thánh phàm cùng họp, nên gọi là « Đại-chúng bộ » Về phía Đông bắc, cách đó độ 3. 4 dặm, đến thành Hạt-la xà kết lợi bệ đa (Vương-xá-lành) quách ngoài đã vỡ lở hết, thành trong hãy còn tốt, chu vi hơn 20 dặm, mỗi dặm có một cửa. Khi xưa vua Tần-ti-bà-la ở cung Thượng-mao, dân cư đông đúc, nhà cửa chen chúc thường bị hỏa tai vỡ rụi, vua mới ra lệnh nghiêm cấm, hễ ai làm ăn bất cẩn, làm cháy nhà trước thì đuổi « hàn lâm » tức là chỗ bỏ xác người chết rất gớm ghiếc vậy Thế nào trong cung vua lại bị cháy trước. Vua nói:

— Ta làm chúa tể cả nhân dân, ta phạm lệnh mà ta không tự phạt, thì còn cấm dân thế nào được.

Nói rồi lưu Thái-tử ở lại quyền nhiếp các việc, còn vua thì rời ra « hàn-lâm ». Bấy giờ vua Phệ-xá-ly, nghe tin vua Tần-bà-xa-la ra ở đồng vắng, toan cất binh đánh lên. Quân do thám biết tin báo cho vua hay, vua mới đắp thành lập ấp để phòng bị, vì vua ở trước nhất, cho nên mới gọi là thành Vương-xá, tức là thành mới vậy. Đến khi con vua lên nối ngôi, lại rời kinh ra đấy. Đến đời vua Vô-ưu thiên đô ra Ba-tra-ly, giao cả thành cho các giòng Bà-la-môn, vì thế trong thành chỉ có hơn 1000 nhà họ Bà-la-môn thôi không có một nhà nào khác. Về phía Tây nam trong cung thành, có cái tháp, tức là nền nhà của ngài Tịch-lich (Thù-đề-sắc-ca trưởng-giả). Bên đó có chỗ độ cho con Phật là La-hổ-la. Về phía Tây-bắc chùa Na-lạn đã có cái tinh xá lớn, cao hơn 500 thước, do vua Ba-la-a-dật-đa xây lên, trang-nghiêm mỹ lệ lạ, trong có tượng Phật và cây bồ-đề. Về phía Đông-bắc tinh xá có cái tháp tức là chỗ xưa kia đức Như-lai thuyết pháp luôn 7 ngày ở đấy. Về phía Tây bắc, có chỗ 4 vị Phật quá khứ ngồi ở đấy. Phía Nam có 1 căn

lình-xá bằng đá chạm, do vua Giới-nhật làm ra, tuy chưa hoàn thành, nhưng chừng cao độ hơn 10 trượng. Về phía Đông cách thành độ hơn 200 bước, có pho tượng Phật đứng bằng đồng, cao hơn 80 thước, phải làm lên 6 tầng gác mới che kín tường, do vua Mãn-trụ làm ra

Lại đi về phía Đông độ vài ba dặm, có cái tháp tức là chỗ khi Phật mới thành đạo trở về thành Vương-xá đi đến đấy thì có vua Tần-li-xa-la và hàng vạn dân chúng ra đón. Lại đi thẳng cách đó độ hơn 30 dặm đến núi Nhân-đà-la-thế-la-lũ, ngọn núi phía Đông có ngôi chùa, trước cửa chùa có cái tháp, gọi là tháp Tăng-sa (tháp Nhận). Nguyên xưa các sư trong chùa ấy, tu theo phép Tiệm-giáo trong Tiểu-thừa, còn ăn ba món « tịnh-nhục » (thịt mua ở chợ về, không trông thấy lình cảnh con vật bị chết, không nghe tiếng kêu con vật bị chết, không biết người ta giết để cho mình ăn). Một hôm người coi phiên cơm, thấy thiếu thịt ăn, cưỡng quyết không biết làm thế nào, bỗng thấy đàn nhạn bay trên không, mới ngửa mặt lên trời nói đùa rằng :

- Hôm nay thiếu món ăn cúng tăng, Bồ-tát phải biết !

Nói rồi lời thì chim nhạn bay đầu đàn quanh lại, bay bổng lên trên trời rồi cụp cánh đâm đầu xuống. Nhà sư thấy thế sợ hãi tũn thẹn lắm, mới loan báo cả cho chư tăng biết. Ai nghe thấy cũng hãi hùng nhìn nhau than thở khóc lóc mà nói rằng :

- Đây là Bồ-tát, chúng ta là hạng người nào, mà dám ăn thịt Bồ-tát ? Vả lại đức Như-lai đặt các giáo pháp phòng cấm dần dần, chúng ta không hiểu đến nghĩa sâu sa cứ nhận phép tàm là phép cứu-kinh, cố chấp cái chỗ ngu dại, không biết hối đổi, đến nỗi thế này ! Từ nay trở đi, nên y theo đại-hừa không ăn ba món « tịnh-nhục nữa ».

Nói rồi xây tháp đem chim nhạn chết chôn vào đó, tiêu biểu tấm lòng, để lưu truyền tiếng thơm mãi mãi, vì thế mới có cái tháp ấy.

Pháp sư đi chiêm lễ khắp cả các thánh tích, rồi mới về chùa Lạc-đà, thỉnh Giới-hiền Pháp-sư dâng Du-già luận. Cùng ngồi nghe giảng, có đến hơn 3000 người. Vua khai lễ xong, bỗng thấy 1 người Bà-la-môn đứng ngoài nghe lỏm rồi vừa khóc vừa cười âm ỹ. Hỏi vì cớ gì, thì người ấy nói rằng :

— Tôi là người xứ Đông Ấn độ, từng tới trước tượng ngài Quán tự tại Bồ tát ở núi Bồ chích ca phát nguyện cầu làm vua Bồ-tát hiện thân mắng trách tôi rằng :

— « Người đừng có nguyện thế, rồi đây đến ngày ấy tháng ấy, Giới-hiền Pháp-sư dâng Du-già luận cho vị sư nước Chi-na ở chùa Lạc-đà, người cứ tìm đến đấy mà nghe, nhớ cái nhân lành, nghe pháp ấy, sau được thấy Phật, chứ nguyện làm vua làm trò gì ? »

Nay tôi thấy có sư ở Chi-na đến, Pháp sư lại dâng Du-già cho nghe thật đúng như lời Bồ-tát chỉ điểm, nên tôi vừa thương lại vừa mừng.

Giới hiền pháp-sư nghe Joau, cho phép vào nghe. Dâng 15 tháng trời, xong bộ Du-già

Ngài Giới hiền sai đưa người Bà-la-môn đến giới thiệu với vua Giới nhật. Vua phong cho ba-ấp Pháp-sư ở chùa nghe giảng Du-già 3 lượt ; Tuận chính lý 1 lượt ; Hiền dương, Đối pháp mỗi bộ 1 lượt ; các luận như Nhân minh, Thanh minh, Tập lượng v. v. mỗi bộ 2 lượt ; Tung luận Bách luận mỗi bộ 3 lượt ; còn các bộ : Câu xá, Bà xa, Lục túc, A-tì-dâm thì đã học cả trong khi qua các nước rồi, lúc đó chỉ hồi lại các chỗ còn ngờ mà thôi. Pháp sư lại học thêm cả sách Bà-la-môn, sách Phạm của Ấn độ, bộ ấy gọi là bộ Kỳ luận, không có tên lưu lại, nên không biết ai là tác-giả chỉ tương truyền rằng về hồi Sơ kiếp, Phạm vương nói ra để truyền thụ cho các người trời, cho nên gọi là sách Phạm. Bộ ấy to lắm, có hàng 100 vạn bài tụng, gọi là Tỳ gia yết thích năm, nghĩa là bộ Luận ký về Thanh minh (聲明記論) vì nội dung ghi chép đầy đủ mọi phép, cho nên gọi là Thanh minh Ki-luận. (còn nữa)

諸佛世尊，不以無請，而有所說。我今爲彼諸人，勸請於佛，世尊以大慈悲，願往至彼。

爾時如來，受阿難請，卽往其家。是時彼諸人等，遙見世尊，各各以手拭面，前來迎佛。旣至佛所，頭面禮足，悲泣哽塞，不能發言。正欲長歎，以敬佛故，不敢出息，咽氣而住。

爾時佛告長者子、父母、兄弟、宗親及諸知識、汝等何故悲泣懊惱，著此幻法？是諸人等同時發聲，而白佛

言世尊是城中唯有此人，聰明智慧，端正殊妙，年既盛壯，於諸人中，爲無有上。我等思念，不離心懷，眾人瞻仰，視之無厭。言語柔和，孝於父母，恭順兄弟，又復多饒財寶，金銀瑠璃，碑磔碼碯，珊瑚琥珀，倉庫盈溢，珍寶具足，又有車馬，飲食醫藥，衣服臥具，奴婢使人，如是悉備。一旦命終，是故我等悲泣戀慕，不能自勝。善哉世尊，願爲我等方便說法，得離諸惱。從今已後，更不復受。如是諸苦，得斷貪欲，瞋恚愚癡，諸結根本。



## PHẬT THUYẾT TU-MA-ĐỀ TRƯỞNG-GIẢ KINH

tiếp theo

### HÁN

Nhĩ thời như lai, thụ A-nan thỉnh, tức vãng kí gia. Thị thời  
bỉ chư nhân đặng, đao kiến thể tôn, các các dĩ thủ thức diện,  
tuyền lai nghênh Phật. Kí chí Phật sở, đầu diện lễ túc, bi khắp  
ngạnh tác, bất năng phát ngôn, chính dục trường thân, dĩ  
kính Phật cố, bất cảm xuất tức, yết khí nhi chạ

### VIỆT

Bấy giờ đức như lai, nhận lời ông A-nan thỉnh, liền đi đến  
nhà. Khi đó mọi người kia, xa xa trông thấy Thế tôn, đều lấy  
tay lau mặt, cùng lại đón Phật. Khi đến chỗ Phật, liền lạy rạp  
đầu đến tận chân Phật, thương khóc nghẹn ngào, không nói ra  
tiếng nữa, ý muốn thờ giải, mà vì kính Phật, phải nuốt hơi  
xuống, không dám thở ra.

### HÁN

Nhĩ thời Phật cáo trưởng giả tử phụ mẫu huynh đệ tôn thân,  
cập chư tri thức : Nhữ đặng hà cố bi khắp áo não, chước thủ  
luyện pháp ? Thị chư nhân đặng, đồng thời phát thanh, nhi  
bạch Phật ngôn. Thế tôn ! thị thành trung duy hữu thử nhân,  
thông minh trí tuệ, đoan chính thủ riệu, niên kí thịnh tráng, r  
chư nhân trung, vì vô hữu thượng, ngã đặng tư niệm bất ly  
tâm hoải, chúng nhân chiêm ngưỡng, thị chi vô yếm ; ngôn ngữ  
nhu hòa, hiểu r phụ mẫu, cung thuận huynh đệ, hựu phục đa  
nhiều, tài bảo kim ngân, lưu ly sà cừ, mã não san hô bồ phách,  
thương khố doanh dật, chân bảo cụ túc ; hựu hữu xa mã, âm  
thực y được, y phục ngọa cụ, nô ti sử nhân, như thị tất bị, nhất  
dán mệnh chung, thị cố ngã đặng bi khắp luyện mộ, bất năng  
lự thăng, thiện tai Thế-tôn ! nguyện vị ngã đặng, phương tiện  
thuyết pháp, đặc ly chư não, tông kim gĩ hậu cánh bất phục

thụ như thụ chư khờ, đặc đoạn tham dục sân khước ngu si chư kết căn bản, đặc độ sinh lão bệnh tử chi nạn, vĩnh ly ưu ìb khổ não chi hải, sở sinh chi xứ, chí ngộ chư Phật thiện tri thức hội, bất ngộ ác duyên.

VIỆT

Bấy giờ đức Thế tôn mới bảo cha mẹ anh em họ hàng và các bè bạn người con ông trưởng giả rằng : Các người vì có gì mà khóc lóc sầu não, mắc cỡ với cái phép đá đỏi như thế ? Mọi người đồng thanh bạch Phật rằng : Bạch đức Thế tôn ! ở trong thành này, chỉ có người ấy là thông minh trí tuệ, đoan chính khác phàm, nói năng mềm mại, hiền thảo cha mẹ, kính thuận anh em, mà lại đang độ tuổi trẻ, đỏi với mọi người, không ai hơn nữa, nên chúng tôi hằng nhớ, không rời bèn lòng, mọi người coi ngó, không bao giờ chán, lại còn có nhiều, của cải vàng bạc, lưu li, xà cừ mã não, san hô, hồ phách, kho đụn đầy tích, đủ đồ quý báu, lại có xe ngựa mọi đồ ăn uống, các thức thuốc men, cho chí đồ mặc đồ nằm, tôi đỏi đầy tớ, đều đủ như thế, mà nhất đán lặn cồ ra chết, cho nên chúng con thương nhớ khóc lóc, không sao nén được. May sao gặp Thế-tôn, xin ngài vì chúng con, mở đường phương tiện, thuyết pháp cho chúng con được thoát ly mọi sự khổ não, từ nay trở đi, không phải chịu những sự khổ như thế này mãi, trừ sạch được hết cõi dể tham dục sân si nó chẳng chỏi, vượt qua cái cầu sinh, già, ốm chết, lia hẳn cái bể lo thương khổ não, sinh vào chốn nào, cũng được gặp chư Phật, xum họp với các bậc tri thức tốt, không gặp nhân duyên xấu xa nữa.

(còn nữa)

## Thuyết Đức Không với Đức Phật Ở CÙNG MỘT THỜI

—> 0 <—

Trương-ủy Tây, một nhà cư-sĩ Trung-quốc, mới khảo về năm sinh năm diệt của đức Phật với đức Không. (Cư-sĩ khảo cứu rất kỹ càng, biện chứng rất tinh xác, dẫn cả trong kinh Phật, sử Ấn-độ, các thuyết học-giá Tầu, Nhật bản, Thái-tây, rồi Cư-sĩ hạ lời đoán án là đức Phật với đức Không ở đồng một thời.

Những chỗ Cư-sĩ đã hững dẫn ở các sách ra thì nhiều lắm Thuộc về tinh-cách khảo-cứu, không phải trình-độ của Đuốc-Tuệ, dịch ra sợ rối mắt độc-giả. Bởi vậy chúng tôi trích mấy chỗ cốt-yếu và lời bình-luận của Cư-sĩ ra sau đây, để cùng đồng lãm.

Về năm sinh năm diệt của đức Không thì đã có chính-sử Trung-quốc chép đúng không phải bàn nữa. Duy về năm sinh năm diệt của đức Phật thì ở Ấn-độ từ xưa không có chính-sử, nên nhiều thuyết trái nhau, nay phải tường-khảo lại một lần cho đích-xác. Trước hết Cư sĩ Trương-ủy-Tây nói: Từ năm Trinh-quán thứ 3 đời nhà Đường, bọn ông Lưu đức-Uy và ông Pháp làm phụng triểu, vua khảo đạo bản sinh năm diệt của đức Phật các ông ấy bèn định rằng đức Phật sinh vào năm Bính - dần đời vua Triệu-vương nhà Châu, tịch diệt năm Nhâm-thân đời vua Mục-vương nhà Châu Trung-quốc. Từ đó người làm sách về đạo Phật đều căn cứ vào đó. Nhưng nay xét ra thì sai cả. Về thuyết ấy là theo ở miệng các vị Tăng Ấn-độ nói ra, mà mỗi vị nói một khác, về bên ấy không có chính-sử. Tức như nay xét lại ở sách của Pháp-hiền-sư khi sang Ấn-độ thì chép là Phật sinh vào vua Đê-ất đời nhà Thương. Sách của Huyền-trang-sư khi sang Ấn-độ, thì lại chỗ thì nói sau năm Phật nhập nát-bàn đến bấy giờ là 1200 năm, hoặc 1500 năm, chỗ thì nói qua 1000 năm, hoặc chưa đầy 1000 năm. Coi đó thì biết lời khẩu truyền ấy không đủ tin được.

Cư-sĩ bèn căn cứ vào những sách sử nói về vua A-dục-

vương là một vị vua hoàng-dương Phật-giáo hồi đầu tiên. Sách Đĩnh-thị Ấn-độ-sử nói A-dục-vương ở ngang về đời vua Noãn-vương nhà Châu. Từ Noãn-vương trở lên đến Triệu-vương thì cách những hơn 760 năm. Thế mà tra ra đời A-dục-vương là ở sau đời A-lich-sơn đại-vương (Alexandre) đem binh vào Ấn-độ. Ma cái năm A-lich-sơn đại vào Ấn-độ ấy thì trước lịch tây là 327 năm. Sử tây chép rõ ràng không sai được. A-dục-vương là cháu tam đại của Cáp-đa vương mà Cáp-đa-vương đồng thời với A-lich-sơn đại-vương. Vậy đủ biết thuyết Phật sinh vào đời Triệu-vương là sai.

Cho nên sách Đĩnh-thị Ấn-độ-sử định rằng Phật sinh trước tây lịch 598 năm. Vì tăng Nhật-bản là Chức-diên-thị thì định là trước 570 năm. Lại còn sách Diễm-tuán-hỷ của nhà Ân-sĩ Triệu-bá-Hưu đời Nam-tề nói càng thiết thực. Ân-sĩ được sách kỷ của vị luật-sư Hoảng-độ. Cách nói: sau khi Phật nhập diệt rồi, ông Ưu-ba-li kết tập bộ luật tạng. xong ngay năm ấy, vào ngày tự-tứ, Người bèn trảm một cái trảm vào cuối quyển luật ấy. Rồi đời ấy đời khác, ông thầy nào cũng đến ngày tự-tứ của một năm lại trảm một cái. Đến bấy giờ năm Canh-ngọ đời Nam-tề vừa được 975 cái trảm. Nay tính ra thì trước lịch tây 566 năm. Vậy cứ các thuyết có đoạn đích và giống nhau trên ấy thì quyết-định là Phật sinh vào trước lịch tây 557 năm, là năm Giáp thìn thứ 15 đời Linh-vương và thị-diệt vào trước lịch tây 478 năm là năm Quý-hợi thứ 42 đời Kiêu-vương nhà Châu.

Trên ấy là căn-cứ ở các bi-ký chữ Phạm về đức Phật-đà và mọi việc ở các sử Tàu, sử Tây đều hợp nhau mà xác-thực đáng tin vậy.

Cứ như trên ấy thì đức Như-lai với đức Không-tử là ở cùng một đời. Mà đức Như-lai giảng thế đến năm nay là năm Mậu-dần lịch tây 1938, được là 2493 năm Đức Kiêu-thi sinh năm Canh tuất thứ 21, đời Linh-vương, là sinh sau Phật 6 năm, và hóa năm Nhâm-tuất thứ 41 đời Kiêu-vương nhà Châu, là hóa trước Phật một năm.

Như thế thì ra đương cái ngày mà đức Như-lai đang rộng chuyển pháp-luân ở vườn Lộc-nyên, vườn Kê-viên, thì cũng chính là cái ngày mà đức Khổng-tử chu-du các nước, truyền đạo cho bốn phương vậy. Đó há không phải là bởi vận hội cùng thích hợp nhau mà ra như thế hay sao. Cư-sĩ bèn dẫn lời Vạn-trùng lão-nhân rằng : « Khi vua Vũ-đế nhà Hào, bãi truất cả bách-gia mà một tôn sùng đạo Khổng lại từ khi vua Minh-đế nhà Hán sai sứ sang tây cầu kinh rước tượng về. Thì từ đó đạo Nho để cai trị nước, đạo Phật để cai trị tâm. Nho với Phật cùng giúp lẫn cho nhau mà gây dựng nên một cái xã-hội bình-yên thịnh vượng bấy lâu ».

Vạn-trùng lão-nhân là một vị cao tăng về khoảng đời nhà Kim nhà Nguyên, Lời trên ấy là Cao-lãng Vạn-trùng dạy học trò là Gia-luật Sở-tài. Sau Sở-tài ra phủ hai triều Thái-tử, Thái-tống nhà Nguyên, đang cái khi huyết chiến lộn mù mà Sở-tài thực hành được *sỹ học*, là theo Phật để đình chỉ sự sát-hại, dùng Nho để lập nên thịnh trị. Sự nghiệp một đời Sở-tài đều gây ra ở lời ấy của thầy là Vạn-tùng dạy cho cả

Cư-sĩ bèn kết luận rằng : « Thế cho nên sách Tây-vực-kỳ đã nói : Xem trị-hóa trong ba cõi (Đông Á, Nam Á, và Tây Âu), trước đây thì có Đông phương là phong tục khôn ngoan, nhân-nghĩa tử-tế hơn cả. Ôi, thế cho nên Ấn-độ vì không có Nho-học nên người ở đấy ơ hồ việc đời, không hiểu cái phép đối nội đối ngoại, sau khi Phật diệt, bắc khấu xâm-chiếm luôn luôn, mà vàng tuệ nhật của Phật bị mờ ám đi. Các nước Viễn-tây vì không có Phật-giáo nên người ở đấy vẫn nguyên cái tính dữ tợn cổ sơ, nhiệm xâu thối dơ bắc man hung tợn sát phạt mà loài người trở lại làm hùm beo rình rết cả. Ấy cũng do đó mà cuộc trị-hóa của Trung-quốc thời bấy giờ sở dĩ thịnh vượng hơn hết.

Quảng-tràng-Thiệt Cư-sĩ



## TRUYỆN CŨ NƯỚC NHÀ TÁI SINH

Trong kinh-diễn nhà Phật thường nói kiếp trước và kiếp sau, độc-giả số nhiều người cho là hoang đần, không chi bằng cứ, cũng có người cho là một sự bịa đặt. Vậy sau đây xin thuật truyện « Tái sinh » của một người nước Annam ta ở hồi Tiên-hán thế-kỷ 20 này, để chứng rằng cổ-nhân không hề nói dối ta vậy. Truyện kiểu có câu :

*Tái sinh chưa rút hương thề,*

*Làm thân trâu ngựa đần nghè trúc mai.*

Nhưng đây không phải là truyện trâu ngựa kéo cày trả nợ, chỉ là một người mà kiếp trước kiếp sau vẫn hoàn toàn là con Hồng cháu Lạc.

Làng Phúc-yên châu Hạ-lương tỉnh Cao-băng, có ông Hoàng-văn-Bào là con trai ông Hoàng-ích-Tráng, rông rõi người Thờ. Nguyên kiếp trước ông Bào là người làng Đoài-côn huyện Thượng-lương, cũng thuộc tỉnh Cao-băng, là con một người Nùng tên là Nông-văn-Mâu, sinh từ năm giáp-tý là năm triều Nguyễn ta hiệu Gia-long thứ 3 (1804) khi mới lên 7 tuổi, cha mẹ rước thầy học, đã đọc sách Tam-tự và sách Tứ-tự.

Ngày 25 tháng 10 năm Gia-long canh-tý thứ 9, (1840) Bào bị sốt, đến đêm ngủ, hình linh thấy một ông cụ già râu tóc bạc phơ, coi có vẻ mạnh mẽ mà đạo đức, giắt hai đứa bé con chừng 6, 7 tuổi đến rủ Bào đi. Bào tính hay nghịch, gặp được bạn cùng tuổi, liền theo ông già và hai đứa bé ấy đi. Đàng sau nghe rõ có tiếng người gào khóc âm ỹ, nhưng Bào cứ mần thình không ngánh lại.

Lúc đi, ngày hai bữa ông lão vẫn dẫn vào nhà trọ cho ăn, Bào nhận kỹ không khác gì nhà cửa và thức ăn của nhà mình.

Đi đã 5 ngày mới đến làng Phúc yên là làng Bào ở này, thì ông già kia dắt Bào vào nhà Hoàng-công mà

điện rằng : « Máy cứ ở đây 66 năm, rồi sau ta sẽ đến đón ».

Nói xong ông già dẫn hai đứa bé đi, còn Bào thì tự nhiên vào trong lòng Hoàng-mẫu là bà mẹ kiếp này rồi.

Từ đó Bào mơ màng lẩn thẩn, những sự dầu tai không biết gì nữa, đến mồng một tháng 11 năm ấy thì Hoàng-mẫu sinh ra Bào.

Khi Bào kiếp này đã lên 7 tuổi, chợt như giấc chiêm bao đã tỉnh, những truyện kiếp trước mới dần dần nhớ ra, mà không quên không sót gì, chỉ hiềm đường xá xa xôi, không ai nói đến, mà cha mẹ, anh em, họ hàng, làng xóm, cũng lạ và khác cả. Bào trong lòng liền sinh nghi hoặc, chỉ để bụng mà không nói ra.

Năm Minh-mạnh thứ 2, (1821) Bào đã 22 tuổi, nhân đến tỉnh thành Cao-băng, lúc về đi một lối tắt qua làng Đoài-côn, trông vào thấy những sông núi, đường ngõ, nhà cửa, cây cối, y như lúc bình sinh mình thường đi lại quen biết, trong lòng bâng khuâng ngơ ngẩn, biết là quê quán kiếp trước của mình tại đấy.

Nhận được cổ-hương rồi, Bào không phải hỏi thăm ai, tự mình chạy ngay vào trong nhà họ Nông, thấy cha mẹ cũ của mình vẫn còn khỏe mạnh như trước, liền lẩn vào trước mặt khóc lóc kể hết đầu đuôi, cả nhà họ Nông cho là lạ. Một lát, họ mặc làng xóm kéo đến, ai nấy đều còn hồ nghi chưa cho là thực, nhắc lại mọi truyện trước mà hỏi. Bào theo tầng thớt mà thuật lại lúc Bào còn bé hay chơi những việc gì, và trong làng trong họ có những ông nào bà nào, nói không câu nào sai cả.

Bào lại nói : « Khi tôi đi trời đã xế chiều, trong làng đương hồ hoán nhau đuổi bắt hồ ngoài đồng, tôi cũng chạy một mình ra xem, ngã ở đấy, người nhà mới chạy ra ôm về... »

Bào lại nói : «...Lại lúc tôi đi, Nông-mẫu không biết vì cớ gì có đeo một cái hộp mực con vào cổ tôi. Hai việc ấy tôi nhớ mình-bạc, có như thế không ? »

Nông-ông Nông-bà nghe Bào nói rầu gì cũng dùng, bấy giờ mới tin. Tự đấy Bào đi lại thân ái không khác gì bên nhà họ Hoàng. Còn như hỏi đến ông già dẫn đi kia họ lên là gì, thì Bào cũng không biết, chỉ nhờ hình rạng mà thôi.

Năm Thiệu-trị giáp-thìn thứ 4 (1844) khi ấy Bào ra lính đã đóng Đội-trưởng. Nghe thấy truyện ấy, quan án sát Cao-bằng cho là lạ lùng, gọi Đội Bào vào hỏi, Bào cũng thuật hết trước sau cho quan nghe.

(Trích ở bộ *Cổ-kim Dật-sử*)

Nhân-vân-Đình : T. D. V.

## THỜI SỰ

### TIN TRONG NƯỚC

(Theo lời Phóng-viên của bản báo, thì độc giả ở các thôn quê vì tình thế cũng có mua số Đông-dương nhiều, mà lại ít đọc báo hàng ngày, nên vé số của mình có trúng hay không cũng không biết. Bởi vậy bản báo lục đăng mỗi kỳ những số trúng như sau này :)

Những số trúng kỳ số số Đông-dương phát hành lần thứ hai bộ thứ tư năm 1938 ra ngày 18-9-38. Những số trúng là :

Những vé có 2 con số cuối là **41** và **86** trúng mỗi vé **10\$**.

Những vé có 3 con số cuối là **292** và **078** trúng mỗi vé **50\$**. 80 vé trúng mỗi vé **100\$** :

615.131	641.202	666.921	783.071	618.076	695.202	648.232
610.238	602.325	687.351	643.297	738.501	764.941	625.595
658.047	728.023	768.321	799.507	661.289	699.232	739.018
737.055	712.874	786.397	688.935	786.025	782.731	730.084
637.460	722.059	652.522	678.295	667.318	685.551	684.407
767.006	683.205	600.237	683.354	682.716	780.406	771.307
671.796	657.222	667.866	768.565	720.919	687.633	700.266
733.105	646.639	707.363	653.866	680.214	712.141	712.070
746.320	776.724	725.598	722.182	652.843	603.425	697.785



791.151 759.618 677.215 676.978 638.590 720.574 685.874  
 691.152 603.995 656.878 769.125 754.854 666.197 758.317  
 723.628 601.576 795.935.

8 vé trúng mỗi vé : **1.000\$**

773.730 758.046 731.432 635.089

725.192 618.750 567.093 700.081

Vé số : **767 625** trúng **4000\$**

3 vé số : **166 824 008 554 194.419** mỗi vé  
 trúng **10 000\$** Vé số : **148 880** trúng **30.000\$**.

Vé số : **357 768** trúng số độc đắc : **100.000\$**.

**Tại hai viện dân biểu Tư-vấn Trung Bắc kỳ  
 với Dự-án thuế thân năm 1939**

Dự-án thuế-thân dân Bắc-kỳ năm 1939, chính phủ đưa ra viện Dân biểu bàn hôm vừa rồi là 13 hạng, tăng hơn năm 1933 6 hạng. Tức là năm 1938 có 7 hạng là : 1p, 2p50, 7p, 14p, 24p, 35p, và 50p. Nay đổi và tăng là : 1p, 2p50, 7p, như cũ. 4 hạng 14, 24p, 35p, và 57p, thì đổi tăng là : 15p, 25p, 40p, và 55p. Lại 6 hạng mới thêm là 80p, 105p, 150p, 200p, và 250p, còn ngoại phụ theo mấy phần trăm đồng bạc trong số thuế ấy chưa kể. Sau một cuộc họp bàn nghiêm-trọng xét kỹ và so sánh rồi toàn viện thấy rằng tuy t êm 6 hạng sau cho những nhà đại-tư-bảo, nhưng số ấy ít lắm, mà 7 hạng trên là dân số nhiều mà lại tăng thêm, thành ra gánh nặng đổ cả vào dân trung sản và dân nghèo. Có Nghị-viên Bắc-sĩ Chương-khảng-khái khàng nghị, bênh cho dân nghèo, ông đề nghị xin cho những người có từ 1 mẫu hoặc môn bài từ 5\$ trở xuống là vô-sản, đánh thuế thân 0p50, hạng 2p50 mà lên ngay hạng 7p, thì nhẩy xa quá, xin có hạng 5p, vào giữa. Ông lại xin nếu rút đi như thế có, thiếu tiêu thì Nhà nước đánh thuế vào những công-ty vô-danh mà hội số ở Bắc-kỳ như công-ty máy-sợi ở Nam-định chẳng hạn, vì họ lãi nhiều. M. Vinay, viện Đại-diện Chính-phủ cùng ông Chương biện luận hồi lâu, kết cục

theo lời M. Vinay, toàn viện bằng lòng duyệt y đề Chính-phủ « tạm » thi hành dự án thuế thân năm 1939 trên ấy, còn lời đề nghị ghi lại đề sửa đổi về các năm sau. Bể mặc, ngày mai toàn viện được chính-phủ mời lên Yên Bái chèn tái bỏ lớp đề và đi thăm công cuộc di dân vài chỗ.

Nhưng tại viện tư vấn Trung kỳ với dự án Trung-kỳ năm 1939 thì người ta thấy gặng hơn. Năm 1933, Trung-kỳ chưa phải chịu những ngạch thuế thân mới tăng và so sánh theo tài sản như Bắc-kỳ. Nay mới có dự án năm 1939 mà thôi, cũng có từ hạng 1p, hạng 2p50 vãn vãn, tương tự như ở Bắc kỳ năm 1938.

Xét dự án thuế-thân so theo tài sản và dự-án tăng thuế điền thổ, tiểu ban có hai tờ trình xin toàn viện phê-quyết về những dự án ấy. Về thuế thân ông Phan-Thanh, Nghị viên Quảng-nam xin đại khái : Tuy nói hạng vô-sản đóng 1p, nhưng nếu có đóng ít thuế điền thổ hoặc cấy ít công-điền, hoặc có miếng đất, tấp lều đều phải đóng 2p50. Thế là hạng cùng-dinh được miễn khi xưa, nay phải đóng 1p, hoặc 2p50 cả, như thế dân nghèo sẽ khốn khổ. Xin toàn viện kỹ-h liệt phản đối. Về thuế điền thổ, ông Lê-mậu-Biến, Nghị viên Thanh-hóa, xin đại khái : Thuế điền-thổ Trung-kỳ gặng đây đã tăng nhiều. Nay lại, điền 4 hạng tăng từ 0p22 đến 0p55 Thổ 6 hạng tăng từ 0p17 đến 0p55. Như thế quan bề lợi bệnh của dân, xin chính-phủ định lại. Ngày 17-9, viện dân biểu Trung kỳ đem những tờ trình ấy lên yết quan Khâm-sứ Grasseuil và xin sửa lại những dự-án thuế thân, thuế điền thổ ấy. Quan Khâm-sứ vui vẻ tiếp đãi viện dân biểu và nói viện nên theo đại cương dự án ấy của chính-phủ mà làm lại một bản dự án của viện ... Ngày 25-9 bể mặc, toàn viện thỉnh an Hcàng-thượng dùng dâng liệp trà.

## TIN THÈ-GIỚI

## Việc Trung Âu

**Đường hầm Siegfried của Đức ở bắc ngọn sông Rhin**

Từ 11-7, Thống-chế Göring Đức tuyên bố động viên và cho 300.000 thợ chuyên môn ra xây đắp các pháo đài ở gần biên thùỵ Pháp. Nay một nhà báo Pháp đã liệu mạng do thám ra những sự bí mật là họ xây một con đường hầm Siegfried trở về thuật rõ ở trên báo. Đây trích lược như sau này : Cách thành Strasbourg của Pháp 15 cây số là đưng ngay đầu đường hầm kiên-cố của Đức. Đức vừa rồi đã xây ra không biết bao nhiêu pháo đài. Lại đặt vô số súng thần công, cỡ lòng thiệt lớn, chỉ ngay qua bốn vùng phi-nhiều của Pháp ở giữa núi Vosges. Từ thành Rhinau tới thành Strasbourg trên 45 cây số bề giải, cứ 150 thước có một cái lỗ cốt. Lỗ-cốt xây xi măng cốt sắt tận ra ngoài bờ sông Rhin. Trong mỗi lỗ cốt có 5 khẩu súng liên thanh, 2 súng cối xay và 2 hỏa pháo, có quạt máy để thay không khí. Những súng liên thanh ở đó có thể bắn qua nội địa Pháp, không một thước vuông nào là không có đạn bắn qua. Đức xây đồn lũy bằng thứ đá Istern bằng bê tôn trộn gang, nó rất cứng rắn mà sau cuộc Âu-chiến, các nước đã cấm Đức không cho chế tạo, nay lại chế ra dùng. Nếu có chiến họa, ngay lúc đầu, đại bác thần công có thể bắn qua nội địa Pháp hủy phá được đập và nhà máy ở Kembs. Súng lòng cỡ 310 sẽ khạc ra liền liền làm cho trong tỉnh Alsace không thể có đèn-điện được.

Những súng đại bác kiểu mới này không phải do quân lính bắn mà chỉ dùng bằng điện lực. Quân Đức ở sau mặt trận chỉ ấn nút điện truyền ra các đồn lũy vùng sông Rhin là đại bác cứ khạc đạn ra một lượt. Đến đây ký giả nói nhưng đường hầm Siegfried của Đức kiên cố bao nhiêu thì đường hầm Maginot của Pháp càng là bức « trảng thành vạn lý » bấy nhiêu. (Trích lược Việt-báo).

Vấn đề Tiệp-khắc rất nghiêm trọng và  
quan-hệ với Âu-châu

Về phía nam giáp Pháp thì Đức cho 30 vạn dân đắp đồn đào hầm Siegfried tỏ ra rất nguy hiểm. Về phía đông bắc giáp Tiệp thì quân tập trận Đức đã kéo tới biên thùy Tiệp. Thế rất cấp bách chỉ trực gây ra chiến tranh. Chiến tranh vỡ bùng ra không những chiến hoa lan ra khắp Âu châu mà còn lay động đến cả Á châu nữa. Biết đại thế nguy kịch như thuốc súng kề gần lửa. Hai Chính phủ Anh Pháp hết sức vận động cách hòa bình, thảo đề án nhượng bộ Đức và khuyên Tiệp phải chịu Đức là để những xứ có dân Đức Sudètes cho thuộc về Đức. Nhưng Tiệp vẫn khẳng khái không chịu. Thế mà Mỹ một bạn của Anh Pháp, hùng cường ở nửa cõi trời tây, thì lại nín thích không can thiệp việc ngoài. Bởi thế ông Chamberlain, Thủ tướng Anh, mẹ tôi lất tả ở Đức về Anh lại ở Anh sang Đức, tin Luân đôn 21-9, ông sẽ đến Đức yết kiến ông Quốc trưởng Đức, Hitler, để thu xếp cho yên việc. Ông Daladier Thủ tướng Pháp cũng hết sức bồn chồn về việc này. 24 giờ, các Đại sứ Anh Pháp 4 lần thôi thúc Tiệp nhân đề nghị Anh Pháp chịu cho Húc cắt séc cũ đất và nói Anh Pháp không thể giúp Tiệp nếu có chiến tranh. Ông Hitler thì nói giữa mặt ông Chamberlain rằng thế nào cũng lấy miền Sudètes dù có phải gây một cuộc chiến tranh lớn cũng không cần. Tránh voi chẳng xấu mặt nào, Anh Pháp đành cố ý kết án xử tử Tiệp cho yên đại cục. Chết đến cuống còn cay, dân Tiệp biểu tình rất dữ, kéo nhau hàng mấy vạn người đến dinh đại sứ Đức thóa mạ, và đòi chính phủ cho gươm súng ra trận tiền liền chết mà giữ vẹn non sông, tổ quốc. Giậu đồ bìm leo, Đức đòi cắt đất chưa xong. Ba lan, Hung gia lợi cũng lại đòi rạch lấy những đất của Tiệp mà có dân 2 nước ký ngụ. Như thế Tiệp sẽ bị tan tành bờ cõi còn gì.

Tuy có Nga quan hệ với Tiệp nhiều, nhưng thấy Anh Pháp đã đổi phương lược thì Nga cũng không dám he.

Tin Bèrlin ngày 22-9, các đạo quân Sudètes đã trở về chiếm cứ các miền Sudètes và đã nắm lấy quyền canh

phòng. Quân Tiệp đã từ từ rút về đất Tiệp, không sây ra sự gì rắc rối. Dân Sudètes treo cờ an mừng rất náo nhiệt. Quân đội Đức sắp kéo sang đất Tiệp như kéo sang Áo độ vài tháng trước. Số phận Tiệp nay mai sẽ quyết xong. Không biết Đức đã phí nguyện chưa, chắc còn đạt tới cái mục đích chia đều thuộc địa ở trong thế giới mới đủ.

### Tin sau cùng

Tin Trung-Âu như trên vừa lên khuôn, thì sáng hôm nay bản-báo tiếp tin mới sau này, nên đăng tiếp :

Bản đề-nghị Anh Pháp là khuôn xếp cho Tiệp nhường cho Đức những xứ có nhiều dân Sudètes, chứ không nói đến việc nhường đất cho 2 nước Ba, Hung. Nhưng ông Hitler lại cứ đòi Tiệp phải cắt đất cho Ba, Hung nữa. Như thế Tiệp bị sé tan, họ chịu sao nổi. Ngày 24-9, ông Chamberlain đành trở về Anh, nhưng ông còn hy vọng sẽ cố giữ lấy cuộc hòa bình. Dân Tiệp thà chết chằng thà mất nước, người ta đã yêu cầu nguyên soái Sirovy lên lập chính-phủ mới, Ông Syrový về phái thân Nga, xuất thân từ một tên lính, đã dự nhiều cuộc đại-chiến thế-giới là trận Nhật Nga và trận Âu-châu đại chiến (1914). Chính phủ Syrový đã dùng máy bay giải chuyên-đưa khắp nước gọi dân-chúng sửa soạn ứng-dịch, quyết trống với Đức. Tiệp đã hạ lệnh tổng động binh. Ông Hitler hạn cho Tiệp trong 6 hôm nữa tức là đến 1er Octobre này phải tuân theo hết thảy các điều yêu-xách của Đức. Quân Tiệp đã kéo ra miền biên-giới Hung và Ba. Tin của Đức, Ngày 26-9, quân Tiệp đã phá 10 khu đường sắt sang Đức, quân Tiệp lại kéo vào vùng dân Đức Sudètes, có nhiều cuộc xung đột lưu huyết. Tình thế nguy ngập lắm.

### Các nước dự bị chiến-tranh

Anh đã điều động hải-quân. Thủ tướng Ý, Mussolini, công kích nước Pháp rất kịch liệt về những việc vừa xảy ra ở Trung-âu, ông nói trước 30 vạn thính giả (tin Milan, 24 9). Pháp đã có lệnh động binh, lệnh ấy đã ảnh hưởng đến các thuộc địa. Một phần lớn người Pháp ở đây ai vào hạng lính trừ bị đã được lệnh sửa soạn đợi gọi. Nhà binh

đã thi hành một vài phương pháp phòng thủ. Tại Pháp, quân Pháp đã tụt lùi ra miền Alsace, người Anh thấy việc hội nghị với Đức ở Godesberg bị hoãn và thấy quân Pháp ra bắc biên như thế rất lấy làm lo sợ (Tin Londre 23.9).

## VIỆC ĐÔNG - Á

Trung nhật chiến tranh

Nhật với Pháp ở Thiên-tân

Tin Nhật, Đông kinh ngày 22-9 và 23-9. Nói việc lời thối giữa các nhà đương cục Nhật Pháp ở Thiên tân chiều hôm trước. 1 sĩ quan, 1 hạ sĩ quan và 1 người tài xế Nhật bị một toán 40 người cảnh binh Pháp ở trong tờ giới Thiên tân ngược đãi, do hai bên tranh nhau về việc kiểm sát đường xá giao thông. Sau khi xảy ra việc đó, kiều dân Nhật ở Thiên tân hội họp biểu quyết : nếu cần, phải dùng võ lực. Họ cho là việc nhục đến quân đội, đến thể diện đế quốc Nhật, họ yêu cầu các nhà quân đội Nhật nếu cần, phải dùng sức mạnh để cứu vãn thanh danh. Có tin ở Thiên tân nói cuộc đàm phán Nhật với Pháp ở Thiên tân đã thất bại. Người Nhật ở đấy đã triah về bộ Tổng tư lệnh ở Bắc-binh.

## KHẨN CÁO

Kính cùng ông Nguyễn-văn Thắng phái viên cử-dộng và thu tiền dúp bản-báo.

Sắp đến kỳ ban kế toán tính sổ sách xin ông đem hết các giấy má về ngay cho để tiện việc sổ sách.

Kính cáo các Độc-giả ở Hanoi. Bắt đầu sang năm 1938, ngoài ông Nguyễn đức-Chính ra, bản báo không có cử ai đi thu tiền cả. xin các độc giả chú ý cho.

BUỐC-TUỆ

# KINH TRÌNH CÁC NGÀI ĐẠI-BIỂU CHI HỘI PHẬT-GIÁO ĐỊA-PHƯƠNG

Thưa các Ngài,

Từ trước tới giờ sổ sách của các chi Hội tự làm lấy cả, mỗi nơi làm một cách khác nhau. Vả những hội to tát quan trọng như hội ta, việc tài chính chi thu cách làm sổ sách phải cho đúng luật kế toán của nhà nước đã đặt ra, các hội đều phải tuân theo để tránh sự lầm lẫn thành ra vô tình phạm vào pháp luật, cho nên ban kế-toán Trung-ương có thuê in ra những sổ sách như sau này để phát cho các chi hội dùng cho được nhất luật và tiện lợi :

Sổ thu giá	0\$40, 1 quyển
Sổ chi giá	0 40, 1 quyển
Tờ nguyện kết giá	0.50, 1 trăm
Bảng thu tiền giá	2.00, 1 trăm

(Bảng thu tiền thì chi hội có bao nhiêu vị chủ-tri hội viên thì lấy ngần ấy cái).

Vậy xin thông đạt đề các chi hội biết và gửi tiền về lĩnh những sổ sách ấy, mandat xin để gửi cho M. Lê-Toại, Thủ-quỹ Hội Phật-giáo (chùa Quán-sứ, Hanoi).

Hội Phật-giáo Bắc-kỳ

## TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỔ

Mme Bùi thị Quán làng Lộ xá, Tiên hưng viên tịch ngày 17 tháng 7 ta.

Mme Nguyễn thị Thoái làng Nguyễn xá Tiên hưng viên tịch 2 tháng 7 ta.

M. Lương hữu Tuệ làng Thần-khê, Tiên hưng viên tịch 12 tháng 7 nhuận.

Mme Kiều thị Nhạc ở Bách lộc, Sơn tây viên tịch ngày 2-9-38.

Sư cụ Tự tục nguyên trụ trì chùa Hải nam, tổng Quế phương, huyện Hải-hậu, Nam-định viên tịch ngày 5 tháng 7 ta nhuận, mậu dần.

M. Trần trung Trương Phó Đại biểu chi Nam định-viên tịch 13 Août 1938.

# HỘP THƠ

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Nguyễn văn Hay Bắc liêu	99-130	2\$00
Trần diệm Huế	83-106	1.50
Dương đình Tiến Saigon	81-104	1.50
Đình văn Châu Tân an	00-114	1.50
Minh Tinh Châu đốc	89-112	1.50
Le Président de l'A. I. S.		
Điền điền Thụy anh	93-116	1.50
Vũ văn Hòa Thái bình	64-92	1.50
Nguyễn quang Lâm Long xuyên	83-99	1.00
Nguyễn đức Tỳ Hảiphong	53-76	1.00
Hai Ngôi Sadec	76-99	1.50
Lai Hộ —	76-90	1.50
Hai Bàng —	76-90	1.50
Trần hữu Lương Thanh hóa	76-99	1.50
Trần quang minh Mỹ thọ	76-107	2.05

Cùng các độc giả. — Báo từ số 1 đến số 75 đã hết, khi nào tái bản sẽ gửi bầu các quý ngài.

Đuốc-Tuệ

---

---

## GIỚI THIỆU BÁO MỚI

Y-học Tân thanh tạp chí nói về việc thuốc xuất bản ngày 1er Octobre 1938, do ông Vũ Trang làm chủ nhiệm, báo quán tại số 122-126 phố Colonel Bondonnet Saigon.

Vậy xin giới thiệu cùng độc-giả Đuốc-tuệ.

---

## GIẤY NÓI

Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật giáo, Thái-Hà-ấp : Số 886  
Nhà in Đuốc-tuệ, chùa Quán-Sứ 73 Richaud Hanoi : Số 832

Imp. ĐUỐC-TUỆ

Quản lý CUNG ĐÌNH BÌNH